

SỐ 1807

# TỨ PHẦN TỖ KHEO GIỚI BỔN SỞ

*Sa-môn Định Tân thuộc Đạo tràng Trấn Quốc  
ở Tung nhạc soạn*

## QUYỂN THƯỢNG

Quán nội kế huyền tông đều bật hết các tướng mà vắng lặng bất động. Ngoài thì lưu bố diệu thể ứng với quần cơ mà diễn giáo. Cho nên thuyền báu có thể tung hoành nơi sóng dục, soi gương ngọc ở chốn tâm nguyên. Rười nước định ở cõi Tam thiên. Huân giới hương ở trong bách ức. Có không đề xương đã lâu, dứt bỏ vướng mắc hai bên. Lý sự hằng bày ra mà ngộ chân thuyên ở nhất bảo. Năm thừa liên kết mà đưa tới hai tạng đồng mở. Bàn luận thì lấy giới môn muôn điều lành làm đầu. Đã gọi là quy y khai sáng diệu giác lúc qua đời thì ngôi vị nào mà không tu, Thánh nào mà không học, lớn lao thay! –Dù không đắc mà vẫn gọi là như vậy. Đề mục tên là: Tứ phần Tỳ-kheo giới bản.

- Tứ phần là tên gọi của bản tạng giáo, đem hữu tài làm nghĩa. Tỳ-kheo là chỗ phòng hành, do thọ học mà thành tên gọi, giới thì hộ sáu căn, lấy sự minh trì để khiến thất phi mà làm rõ thể. Căn bản thì đức bao trùm cả các điều lành, nghĩa sâu sa mà nhiều đầu mối. Yếu môn của năm thiên bảy tụ là then chốt sâu xa của mười lợi trăm hành. Lưu chảy vị thuốc ở núi Tuyết, uống vị suối cam lộ ở núi báu. Thấu chung hết các nghĩa ấy. Đó gọi là Bản. Cho nên luật này gọi là Tứ phần Tỳ-kheo-ni giới bản, gồm hai vạn một trăm lẻ chín lời, lại muốn giải thích kinh, phân biệt bốn môn. Thứ nhất là nêu chung các giáo. Thứ hai là phân biệt từng đoạn kinh này, thứ ba là truyền dịch căn do. Thứ tư y văn giải thích.

Thứ nhất là nói rõ các giáo ý:

- Giáo môn tuy có vô lượng nhưng chỉ bàn về hai nghĩa để mở bày cho người chưa nghe. Hai nghĩa đó là:

\* Đối với ba môn học thì giới học là pháp đầu tiên. Vì giới có thể kiến lập nghĩa định tuệ. Cho nên, trong luận Du-già giải thích Ba học là: Kiến lập nghĩa định là sở y của trí, là nghĩa tối thắng.

Kinh Di giáo nói: Y vào giới này mà sinh ra thiên định và trí tuệ diệt khổ.

Bài tựa luật nói rằng: Như thế ngôi nhà chánh pháp có bảy giác ý để trang nghiêm, có giới cấm để làm thêm thang.

Sở hành của các Hiền thánh đều y theo nghĩa này.

\* Trong bảy Thánh tài thì giới đứng thứ hai. Đem niềm tin để xuất gia và thọ hành giới cấm. Cho nên sau khi tin thì giải thích về giới tài. Tin giới đã đầy đủ thì sẽ nghe được chánh pháp. Sau đó, do xả thí mà dụng tâm trang nghiêm. Kế đến xả và văn (nghe), lấy đây để dẫn phát ra tư tu (suy nghĩ và tu). Tư tu hợp lại gọi là Tuệ. Có Tuệ thì dứt ác, hỗ thẹn giúp thành. Bảy thánh tài này giúp sức cho vua Pháp Lành, giặc không cướp phá, lửa nước không xâm hại. Do sự cao quý của tài nên lấy đây để gọi tên.

Hỏi: Văn tuệ thì nói riêng mà tư tu lại hợp luận, là nghĩa thế nào?

Đáp:

Nghe là từ nơi khác, còn tư tu là từ mình phát khởi. Dụng chia thành hai tướng mà khai hợp khác nhau. Đây là ý chung để lược nói về giáo. Nếu giới học không lập thì hai học không có chỗ nương. Bảy Thánh tài thiếu thì sáu trân cũng mất. Cho nên trước phải học giới tài thì công đức mới đầy đủ.

Thứ hai phân biệt từng đoạn kinh này, phân biệt thành bốn môn, một là giáo sở làm then chốt, hai là nói nghe làm lợi ích, ba là thuộc về Tạng thừa, bốn là tông thể khác nhau.

**I/ Lấy giáo sở làm then chốt**, như mong thông hiểu các bộ luận giới kinh chỉ có các vị đại tăng, đại ni. Trong đại tăng ni gồm có hạnh trời người và Ba thừa. Giới bao gồm quả vui trời người, cho nên trong luật nói: -Người trì giới sinh về hai cõi trời và người. Phá giới thì đọa vào hai đường địa ngục và súc sinh. Cho nên trong Ba thừa thì Hai thì do giới học đầy đủ mới tu định tuệ. Trong Đại thừa thì ba nhóm luật nghi là bậc nhất.

Cho nên, Kinh Hoa Nghiêm nói: -Giới là căn bản của Vô thượng

Bồ-đề, vậy phải trì tịnh giới đầy đủ. Nếu người trì giới đầy đủ thì Chư Phật sẽ ủng hộ, khen ngợi người đó.

Kinh Niết-bàn nói: Bồ-tát giữ gìn tội Đột-cát-la như giữ gìn phao nổi. Cho nên giới này chung cho cả Năm thừa. Nếu y cứ theo duyên khởi mà giải thích thì trong kinh-độ giới có nói.

- Bấy giờ, Đức Thế tôn ở chỗ yên tịnh nghĩ rằng: - Ta nói giới Ba-la-đề-mộc-xoa cho các Tỷ-kheo, trong đó có Tỷ-kheo tín tâm mới thọ giới chưa được nghe giới, Người ấy không hiểu biết nên hỏi: Học giới là sao? Nay Ta phải nhóm họp chúng Tỷ-kheo lại một chỗ để nói Ba-la-đề-mộc-xoa.

- Bấy giờ, Đức Thế tôn từ chỗ tịnh thiền bước ra. Do nhân duyên này mà nhóm họp chúng Tỷ-kheo chế giới nửa tháng hòa hợp đồng tụng.

Việc này như trong luật có nói rộng.

II/ Nói lợi ích của nghe:

**1. Trước nói rõ về ích lợi, có hai nghĩa:**

a) Như gần gũi thấy Phật, cho nên giới kinh nói: Chớ cho là ta nhập Niết-bàn không còn ai che chở người tu tịnh hạnh. Nay Ta nói giới kinh (một quyển giới bản) cũng khéo nói Tỷ-ni (Đại điều phục Tạng). Ta tuy nhập Niết-bàn nhưng cũng xem như Thế tôn vẫn còn ở đời.

Kinh nói: “Nên biết giới này là Đại sư của ông”, Ý cũng giống như vậy.

b) Vì dứt hoặc, tức như giới kinh nói:

*“Bấy Phật là Thế tôn  
Dứt trừ các kiết sử  
Nói bảy giới kinh này  
Ràng buộc đều giải thoát  
Ta nhập vào Niết-bàn  
Các hý luận dứt hẳn.  
Vâng giữ lời Đại tiên  
Thánh hiền khen ngợi giới.  
Việc làm của đệ tử  
Vào Niết-bàn vắng lặng.”*

**2. Nói về thỉnh ích, cũng có hai ý:**

a) Biết tướng hộ trì

Như văn giới nói: Muốn dứt bốn tội khí v.v... cho đến: -Chúng họp nghe tội tụng.

b) Được lợi ích an vui cao quý:

Như nói: Đắc ba thứ lạc và giới tịnh có trí tuệ, liền được đạo bậc nhất v.v... nếu y cứ theo Du-già gồm hai mươi hai cụ giới thì nên biết Sĩ phu có mười công đức thắng lợi.

Một là: Do tự quán sát giới thanh tịnh liền được vô hối. Vô hối nên từ hoan sinh hỷ. Vì hỷ nên thân an, vì an nên thọ vui, vì vui nên tâm định, định nên sẽ thấy như thật. Vì thấy như thật nên nhàm chán, vì nhàm chán nên lìa nhiễm, vì lìa nhiễm nên chứng được giải thoát. Như vậy tự biết có thể đối với giới Vô dư y được Bát Niết-bàn.

Hai là: Lúc qua đời biết đến cõi thiện, do không hối hận nên gọi là Hiền thiện tử.

Ba là: Biến khắp các phương, khéo nghe được các âm thanh khen ngợi.

Bốn là: Nằm yên ngủ yên, xa lìa tất cả thân tâm ưu não.

Năm là: Hoặc nằm hoặc ngủ đều có các vị trời ủng hộ.

Sáu là: Đối với người hung bạo không nghĩ đến việc ác của họ.

Bảy là: Oán thù bạn ác tuy có hiềm khích mà cũng thường che chở.

Tám là: Quỷ thần li mị tuy được thuận lợi mà vẫn theo che chở.

Chín là: Pháp học không gian nan, được các thứ lợi dưỡng của người. Được vua chúa, Đại thần cung kính tôn trọng.

Mười là: Có nguyện điều điều gì được toại nguyện. Như muốn nguyện sinh vào dòng Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, nhà Đại tộc, hoặc bốn vị vua trời, cho đến cõi trời Tha Hóa Tự Tại. Tức tùy theo sở nguyện, hoặc nguyện nhập vào tứ tịnh lự, hiện ra pháp lạc trụ. Hoặc nguyện ưa nhập định, Vô sắc hoặc nguyện vào Niết-bàn. Rốt ráo, tất cả đều được theo nguyện.

Nay trong giới vẫn thì danh dự lợi dưỡng tức là phần thứ ba và thứ chín. Sinh thiên là thứ hai và thứ mười. Được đạo bậc nhất tức thứ một và thứ mười. Còn các chỗ thắng lợi khác thì lược bỏ không nói. Mười lợi trong luật như nhiếp tăng v.v... cũng không nêu ra.

**III/ Thuộc về tạng thừa:** Trong Ba tạng thì tỳ-nại-da thuộc về Ba thừa, đều là cộng học, thuộc về Ba thừa, vì luật nghi giới thuộc về ba tụ.

**IV/ Tông thể khác nhau:** Trước tông sau thể. Nói về tông thì kinh này gồm thấu luật tạng làm tông. Không giống như các kinh Pháp Hoa, Niết-bàn thì chia tông riêng biệt trong một tạng. Ở đây thì khéo nói tỳ-nại-da làm tông. Nói khéo thuyết nghĩa là Phật khéo nói, khác với ngoại đạo thì không khéo nói mà đặt ra các giới kệ, v.v...

Tỳ-nại-da Hán dịch là Điều phục, Nhiếp luận của ngài Thế Thân, Quyển I nói:

- Điều là hòa ngữ, phục là chế diệt. Điều hòa thì không ngữ bảy điều ác về thân và ngữ, chế phục trừ diệt các hạnh ác.

- Kế đến là giải thích về thể: luận Du-già quyển tám mươi một nói: Thể của khế kinh lược có hai loại: Một là văn, hai là Nghĩa. Văn là Sở y, nghĩa là Năng y. Như thế hai thứ tên chung của tất cả cảnh giới sở trị. Nay văn kinh này, nghĩa Sở khuyên chỉ có năm thiên. Ở trên là thay thế tương thừa cùng truyền tên này. Nếu y theo Tứ phần gọi là Năm phạm, tức với lấy tên gọi khổ phạt gọi là Phạm, cũng gọi là năm phạm tụ. Trong mỗi thiên đều tập hợp nhiều phạm, nên gọi là Phạm tụ. Hoặc gọi là Năm chủng chế (năm thứ chế).

- Chế có hai nghĩa: Một là Phật dùng lời xứng pháp mà chế ra, hai là tự hành mà có chế phòng. Lại có năm thiên:

- Một là: Đại Tăng thì bốn Ba-la-di, ni thì tám Ba-la-di, hợp lại gọi là thiên đầu.

- Hai là: Đại Tăng có mười ba tăng tàn, ni có mười bảy tăng tàn, hợp lại là thiên thứ hai.

- Ba là: Đại tăng có ba mươi pháp Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và chín mươi Ba-dật-đề, hợp lại là một trăm hai mươi pháp. Giới của ni thì có ba mươi Ni-tát-kỳ Ba-dật-đề và một trăm bảy mươi tám Ba-dật-đề, hợp lại thành hai trăm lẻ tám giới. Chung cả tăng ni là ba trăm hai mươi tám giới là thiên thứ ba.

- Bốn là: Đại Tăng có bốn Ba-la-đề-đề-xá-ni, Tỳ-kheo-ni có tám Ba-la-đề-đề-xá-ni, hợp lại thành thiên thứ tư.

- Năm là: Đại Tăng có một trăm pháp chúng học và bảy pháp diệt tránh, Ni chỉ có một trăm chúng học, cũng có khi có bảy pháp diệt tránh. Hợp lại thành năm thiên. Chung lại thì Đại tăng có hai trăm năm mươi giới, Ni trừ bảy diệt tránh, hợp lại thành ba trăm bốn mươi một giới. Nếu cộng bảy diệt là ba trăm bốn mươi tám. Đều là chánh tăng nghĩa thể đã nói. Còn hai pháp bất định là để phòng lỗi, chưa phải chánh tội, nên không nhập vào thiên, chỉ dùng văn để giải thích.

Thứ ba là nguyên nhân về dịch thuật, xưa thời Hán Minh Đế vào niên hiệu Vĩnh Bình Thứ mười, ngài Ca-diếp Ma-đăng du hóa đến xứ này, độ cho người thế phát xuất gia, đã cho mặc y man điều mà chỉ thọ ba quy y, năm giới cấm. Đến thời Hán Linh Đế thì đã một trăm năm. Tăng số không đủ thì không được thọ giới cụ túc. Từ thời Linh Đế về sau, ở Bắc Thiên-trúc có năm vị Sa-môn, khai cho phương này

được truyền giới cho năm người. Ngài Chi Pháp Lãnh tụng giới bản một quyển, nay là bản giới bản thời cổ.

Sau đến đời Tào Ngụy, vào niên hiệu Gia Bình Thứ hai lại được mười vị thọ lại Cụ giới của phạm tăng. Đây là duyên thọ giới của đại tăng. Cuối đời Hán, đầu đời Ngụy lại có Ni từ Đông Thiên-trúc đến cho ni thọ giới.

Lại đến thời Tông Văn Đế, các ni ở nước Sư tử như Thiết-tố-la lại cho thọ lại. Từ đó đến nay mới có giới pháp truyền nhau. Đến đời Tần Dao Hưng, thời Thụy Văn Hoàn Đế, niên hiệu Hoàng Sơ thứ ba, Vua mở Đại hội Vô giá ở trước điện. Vua hỏi đấng giới có chứng nghiệm gì? Bèn có Pháp Sư Trí Nghiêm thỉnh đến Tây Vực, hỏi về việc đấng giới.

Ngài đến Bắc Thiên-trúc gặp vị La-hán và hỏi. La hán nói: - Ta tu theo tiểu thừa không kham việc đấng giới, ông đã đến đây thì để ta đến hỏi ngài Di-lặc cho.

Thế rồi La-hán nhập định lên cõi trời hỏi Bồ-tát Di-lặc.

Ngài Di-lặc đáp: Tăng Ni ở Trung quốc nếu đấng giới thì cho ảnh hiện hình hoa vàng một thước để làm chứng nghiệm.

La-hán trở về nói lại với ngài Trí Nghiêm. Hôm sau, Trí Nghiêm được thần Ca-tỳ-la đưa về Trung Thổ. Lúc đó, trước điện vua Văn Đế đã có hoa vàng từ trước, Quan Thái Sử xem quả nói: Phật pháp đến chưa được một tháng. Ngài Trí Nghiêm về tới, chứng nghiệm sự việc xong thì hoa vàng liền biến mất.

Lại đến đời Dao Tần có Tam Tạng nước Vu-điền là ngài Phật-Đà-Da-Xá dịch Tứ phần Đại luật và hiệu đính lại giới bản xưa, mới thêm phần quý kính ở đầu kinh. Sau có Sa-môn nước Tấn là Chi Pháp Lãnh, từ nước Vu-điền đến nước Tần, lại hiệu đính thêm.

Đến thời Nguyên Ngụy, Luật Sư Tuệ Quang, sửa lại kinh này cũng có phần quy kính. Nướng vào Luật Sư Pháp Hiển tế thế, khi xem xét sửa chữa lại đại luật lại phát sinh thêm một bản. Trừ phần quy kính thì đều là bản cổ đời Hán.

Nay còn phần Quy kính lại y theo đại luật, về nghĩa thì hầu như được phiên dịch tương đối rõ ràng, các bài phúng tụng đều không mất phần công dụng. Đây là nói về phần nghĩa được truyền dịch.

Thứ tư là nướng vào văn mà dịch, trong kinh này khai chung gồm ba phần:

- 1- Phần khen đức đồng tu
- 2- Phần chỉ bày xem xét.
- 3- Phần kết bày hồi hướng

Trong phần khen đức đồng tu có hai:

- a) Kế là khen giới đức
- b) Hòa hợp đồng tu

Đây là phần thứ tư trong mười hai bài kệ tán. Bài kệ đầu là kính truyền chân pháp. Bài thứ hai có bốn câu kệ, chỉ bày về thính nghi. Bài thứ ba có năm bài kệ phân biệt sự tổn ích. Bài thứ tư có hai bài kệ nói về thắng đức.

Trước là giải thích bài kệ đầu “Kính truyền chân pháp”. Nếu kính pháp Tam bảo thì mới trao truyền được, cho nên trong văn nói: cúi đầu lễ Chư Phật, và pháp Tỳ-kheo Tăng, đó là phải cung kính. Nay giảng pháp Tỳ-ni, khiến cho chánh pháp thường còn, là truyền chân pháp.

Lễ có ba phẩm: Cúi đầu là tôn trọng nhất, cho nên trong câu có bao hàm nói: Cúi đầu lễ dưới chân gọi là kính lễ. Cảnh để bày tỏ sự cung kính là Chư Phật và Pháp, Tăng. Trước cung kính Tam bảo là dụng nêu lên sự tốt đẹp. Vì truyền chánh pháp khiến cho không bị tai chướng.

Trong luận Thành Thật có nói:

- Tam bảo là tốt đẹp nhất cho nên ta nêu ra đầu tiên.

Nay giảng pháp Tỳ-ni: Tỳ-ni tức là điều phục diệt ác. Cho nên trong vô tánh nhiếp luận quyển bảy có nói: Tất cả pháp lành có công năng diệt các việc ác, thành tựu đại Niết-bàn, dứt trừ sinh tử gọi là Tỳ-nại-da. Nay giới kinh này chính là để dứt trừ hạnh ác được Niết-bàn, nên gọi là Tỳ-nại-da.

- Khiến cho chánh pháp tồn tại ở thế gian lâu dài:

Chánh pháp có hai: Một là giáo, hai là chứng. Nửa tháng tụng giới là để cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Y vào đó mà được chứng là khiến cho chánh pháp tồn tại lâu dài. Kế đến là giải thích bốn bài kệ để chỉ bày về thính nghi (cho thích nghi). Văn chia ra làm ba:

- 1- Khen ngợi đức để chỉ bày
- 2- Nêu tên gọi để chỉ bày
- 3- Dẫn chứng để chỉ bày

Trong ba điều chỉ bày này đều có đức nghi. Trước giải thích bài văn đầu: Khen ngợi giới kinh này có quý đức rộng lớn. Rộng thì như biển không có bờ mé, như luận minh liễu có nói.

Thứ ba là khi Yết-ma xong, có bốn mươi hai ngàn sông phước công đức thâm nhập vào giáo rộng trong thân. Vì quý như vật báu cho nên lấy giới làm bảy thánh tài.

- Bảy thánh tài: Một là tín, hai là giới, ba là (nghe), bốn là xả, năm



là Tuệ, sáu là hổ, bảy là thẹn. Như trong phần khai phát đã nói qua.

Hộ không mất để nên gọi là muốn hộ.

Chúng nhóm nghe tôi nói: Là chỉ dụ để thích nghi. Nghĩa là cần hòa hợp không để riêng chúng. Không đến thì cho gửi dục, nên gọi là chúng nhóm, phần dưới có giải thích rộng.

Thứ hai là nghe danh để chỉ bày, lược nêu thiên hai và ít phần của thiên thứ ba. Thiên một nói diệt tận hẳn, nên gọi là bốn khí (tội này phải trừ), y vào sám tắng tàn gọi là Tắng Tàn (Ác này phải diệt). Phạm vào Xả đọa tài nên gọi là Xả đọa (Phạm này sẽ chướng, chướng là che chướng). Thiên thứ ba này tác pháp có chút khó nên gọi thiên cử, các phần khác thì lược. Nêu đức cũng đồng như trước.

Thứ ba dẫn chứng để chỉ bày: Nghĩa là dẫn chứng bảy vị Phật quá khứ và hiện tại cùng nói: Một là Phật Tỳ-Bà-thi, hai là Phật Thi-khí, ba là Phật Tỳ-xá-phù, bốn là Phật Câu-lâu-tôn, năm là Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, sáu là Phật Ca-Diếp, bảy là Phật Thích-ca. Bảy vị Phật lược nói giới như trong văn kinh sau.

Giáo pháp rộng lớn của Đức Thích-ca như phần chánh tông có giải thích. Rộng và lược tuy sự có khác mà ý không khác, cho nên nói: Vì ta nói việc này.

- Nay Ta muốn khéo nói là tụng văn không mất.

- Các hiền Thánh cùng nghe: là nghi nghe pháp đều nhóm hợp.

Tiếp theo là giải thích bài kệ thứ năm là phân biệt sự tổn ích (tổn hại và lợi ích). Văn này chia làm hai:

Đầu tiên là ba bài kệ: Hiểu rõ thọ trì thì liền được tối thắng. Nếu phá liền mất ngay lợi ích này.

- Tiếp theo là hai bài kệ: Nếu trì thì chắc chắn được đạo cao quý. Nếu phá thì mất ngay lợi ích này, Dịch phần văn trước lại chia làm hai:

1. Hai bài kệ đầu là nói lên đắc thắng sinh và đắc định sinh.

2. Có bài kệ nói về phá giới thì khi chết sẽ có tâm buồn bã lo sợ.

Văn trước chia làm hai:

- Một là nói dụ hợp.

- Hai là nêu sự lợi ích khuyến tu.

Trong dụ, y cứ vào sự thì như người bị gãy chân, trong hợp y cứ vào pháp hợp đối với sự hủy giới.

Tiếp theo là nêu lợi ích khuyến tu như cõi trời, cõi người đều là thắng sinh. Trong năm đường đây là cõi tối thắng, cho nên sự phân biệt ở đây. Trời người trong cõi dục chỉ gọi là thắng sinh. Các tầng trời cõi



sắc, Vô sắc gọi là thắng sinh, cũng gọi là Định sinh. Y như văn rất dễ hiểu.

Tiếp theo là giải thích bài kệ phá giới thì chết. Y cứ vào sự trong dụ thì lo lắng hối hận, thời xưa chốt trục xe không ít. Y cứ vào hợp thì pháp hợp ở trước lúc hủy phá cấm giới. Nếu hủy giới trong cũng dụ như bị gãy trục. Nếu hủy giới khinh dụ như mất trục. Lúc qua đời đường hiểm nạn hiện ra thì mới sợ hãi.

- Cho nên trong Kinh Niết-bàn Quyển mười một nói: - Thế nào gọi là phá giới tử (phá giới mà chết).

Hủy giới trong quá khứ, vị lai, hiện tại, chư Phật có đặt ra giới cấm gọi là phá giới tử.

Kế là giải thích hai bài kệ:

- Quyết định thắng đạo có trái có thuận. Bài kệ đầu là nói về Thánh đạo gia hành. Bài kệ tiếp theo là nói lên tự thể của Thánh đạo. Thánh đạo là dứt hoặc chắc chắn không còn sinh trở lại phàm phu nên gọi là quyết định thắng đạo.

Trước giải thích bài kệ đầu là y cứ vào dụ, như gương soi cảnh tốt xấu, y cứ vào pháp trong hợp, hợp cùng thuyết giới để nói lên hoàn toàn hủy diệt. Toàn thì sinh hỷ, hỷ nên thân an, vì an nên thọ vui, vì vui nên được định. Tức là thuận với Thánh đạo gia hạnh. Hủy thì sinh lo lắng, vì lo lắng nên thân tâm phát sinh nhiệt não, là trái với Thánh đạo.

Kế là giải thích thể của Thánh đạo: Y cứ vào sự ở trong dụ là mạnh yếu, tiến lùi, y cứ vào pháp ở trong hợp thì có tịnh úy, an sợ. Nếu dứt hẳn sự phá giới thì gọi là tiến mạnh, tức là tịnh an. An nghĩa là tịnh diệt an vui Niết-bàn. Nếu không dứt trừ phiền não thì gọi là khiếp sợ lui sụt, tức là uest úy. Úy là lo sợ lâu dài trong ba cõi.

Kế là giải thích bài kệ Thiên minh thắng đức. Văn này có hai: Nửa bài kệ đầu là nói về thắng đức, nửa bài kệ tiếp theo là y vào thắng mà chế thuyết. Trước giải thích bài văn đầu nói y cứ vào sự trong dụ có bốn điều khác nhau. Y cứ vào pháp trong hợp, tổng hợp là bốn điều tối yếu. Vua ở thế gian là cao nhất, có thế lực lớn. Các dòng thì biển là cao nhất vì nó dung chứa tất cả. Cao sao thì trăng là bạc nhất vì mát mẽ nhất. Trong các Thánh, Phật là cao nhất vì đức vô lượng.

Kế là giải thích pháp hợp

- Tất cả các luật: Luật có ba loại là biệt giải thoát tĩn lự vô lậu gọi là tất cả. Trong tất cả luật, giới kinh là hơn hết. Trong ba học thì giới đứng đầu và phát sinh ra các học khác, cho nên gọi là cao nhất. Đây bao gồm bốn nghĩa:

Một là: Dùng thế lực để phá giới.

Hai là: Nạp HĂNG sa đức. Vì người giữ giới thân khí được thanh tịnh, nên dung nạp tất cả công đức thế gian và xuất thế gian.

Ba là: An vui mát mẻ.

Bốn là: Giới đức vô lượng.

Tiếp theo là giải thích nửa bài kệ “Y thắng mà chế thuyết”. Do đầy đủ bốn thứ tối thắng ở trước, cho nên Như lai y theo đây mà lập ra giới cấm, khiến chúng đệ tử nửa tháng tụng một lần, không để lâu xa sau này giới luật bị bỏ phế. Như lúc gấp rút e sợ phiền toái lao nhọc thì chỉ nửa tháng tụng một lần. Từ nửa bài kệ thứ hai hòa hợp đồng tu, vẫn chia ra làm ba. Đầu tiên là chế hòa hợp (Hòa hợp tăng cùng nhóm họp, cho đến đáp rằng: Thuyết giới Yết-ma).

Tiếp theo là chế đồng pháp (Từ Đại đức tăng nghe trở xuống). Sau đó là khuyên văn tu. (Từ: các đại đức nay tôi muốn nói trở xuống).

Đầu tiên là chế hòa hợp, tức là nói giới hai việc phương tiện Yết-ma ở trước. Cho nên trong luật nói hòa hợp là một lần Yết-ma, một lần thuyết giới. Hệ chế ra hòa hợp thì mượn cùng ranh giới. Ở đây phải đối hai môn để phân biệt: Một là nói rộng về các giới khác nhau, hai là giải thích hòa hợp tăng.

Thứ nhất nói rộng các giới có mười một loại. Đó là tự nhiên thì có ba, Đại giới có bốn, tiểu giới có bốn, thành ra mười một. Hoặc theo Luật Thiện Kiến thì thêm một tự nhiên nữa thành mười hai.

Lại theo thông luận thì thêm thủy giới tự nhiên và nơi kho chứa nhiếp y giới, thuyết giới đường, nơi kết tịnh địa v.v... hợp lại thành mười bảy.

Lại nói về tự nhiên vốn do duyên khởi. Duyên đầu tiên lúc Phật thuyết giới hóa độ một đệ tử khiến cho đều nhóm họp. Đại Ca-tân-thố là Đại la-hán, tự ý mình thanh tịnh nên nghĩ rằng ta đối với ngày thuyết giới dù đến hay không đến cũng đều thanh tịnh.

Cho nên ông không đến. Phật gọi Ca-tân-thế đến hỏi: -Hễ vào ngày thuyết giới pháp phải cung kính tôn trọng vâng theo. Nếu ông không muốn cung kính tôn trọng thì còn ai muốn cung kính. Nếu không hòa hợp lại một chỗ để đồng thuyết thì phạm tội Đột-cát-la. Như theo luật Tăng-kỳ hai mươi bảy thì A-na-luật sẽ phạt khiến cho ông mỗi bước đi bị mất mát thịt. Cho nên cực khổ mới đến, nói rộng như trong luật.

Về sau, do một lần hóa tập rất cực khổ sợ phế bỏ nên Phật lại khai tùy theo chỗ mà bạch nhị Yết-ma kết giới đường thuyết giới. Lúc bấy

giờ, vẫn chưa chế ra việc kết các giới. Các nơi xa xôi cùng đến một giới đường rất cực khổ. Phật lại khai cho hễ ở chỗ nào thì kết đại giới ở chỗ đó rồi hòa hợp đồng thuyết. Trước khi kết giới y vào tự nhiên mà nhóm chúng. Giới tự nhiên này, xưa nay truyền nhau tự có ba thứ khác nhau.

Một là y theo luật Thập tụng thứ hai mươi bốn có nói:

- Các Tỳ-kheo ở nơi không có tăng phường xóm làng, đầu tiên làm tăng phường chưa kết giới. Bấy giờ ngang chừng bao nhiêu?

Phật bảo: Tùy theo xóm làng, ranh giới xóm làng phân chia đều là giới tăng phường, xưa nay đều nói rằng: Ở đây có thể phân biệt xóm làng, muốn kết giới phải đến tận xóm làng kết tập. Đây gọi là biết rõ nhà người, có tăng gọi đến kết tập. Cho nên nói là phân biệt được.

Hai là nếu không thể phân biệt xóm lạc. Y vào luật Tăng-kỳ quyển tám nói:

- Cứ năm khuỷu tay lượng bảy cung trồng một cây Am-Bà-la. Bảy cây Am-Bà-la cách đều như thế. Bấy giờ, chỗ Yết-ma đó gọi là khéo làm yết-ma. Các chúng khác nhau cùng gặp, không có phân biệt là chúng bị tội. Xưa nay đều phán rằng: Đã đồng ở xóm làng thì chúng khác cũng đến không phân biệt. Cho thấy ở trong xóm làng không biết nhà ai có tăng hay không có tăng. Không thể gọi hết cho nên nói là không phân biệt xóm làng.

Ba là ở chỗ A-lan-nhã, cách xa không có làng xóm, trong tăng phường muốn kết giới. Y theo luật Thập Tụng mà nói: Các Tỳ-kheo ở chỗ không có xóm làng đầu tiên làm tăng phường bao nhiêu? Phật bảo: Vuông một câu-lư-xá. Xưa nay truyền rằng theo kinh Tạp Bảo Tạng chú thích rằng: Câu-lâu-xá là năm dặm. Nay thấy rõ Thập Tụng là Tát-Bà-Đa Tông. Tát-Bà-Đa Tông bốn khuỷu tay là lượng cung, năm trăm cung là một câu-lư-xá, tính ra là hai dặm. Trong Câu-xá tụng nói: Bốn khuỷu tay là lượng cung năm trăm Câu-lô-xá, sao lại không y theo, lại y theo luật Thiện Kiến quyển mười bảy có ghi:

- Ranh giới A-lan-nhã là bảy bàn-đà-la, một bàn-đà-la là hai mươi tám khuỷu tay. Nếu không đồng ý thì được làm pháp sự. Tính ra năm mươi tám bước rưỡi một thước tám tấc.

Đã nói là không đồng ý: Là biết nghĩa đồng ở trong xóm làng không thể phân biệt. Cho nên khai cho nhóm họp gần. Nếu thêm một này thì có bốn tự nhiên. Trong bốn giới tự nhiên đều nhóm họp tăng để tác pháp kết giới.

Nếu ở chỗ nước không thể kết giới thì ở chỗ đó làm đối thú, như trong luật Thiện Kiến thì chỉ lấy người khỏe mạnh tác nước và làm giới

tự nhiên. Nhưng ở trong bốn giới tự nhiên khi sắp kết giới, chúng tăng đều nhóm họp lại mà không cho thọ dục. Đã nhóm tăng rồi thì giao cho tăng lượng nghi, hoặc lớn hoặc nhỏ, làm giới Bồ-tát. Giới Bồ-tát hoặc dùng chùa, bờ đê, tùy theo ngay thẳng để làm nêu hạn. Hoặc ở nơi xa xôi thì dùng đá cứng, cọc cây. Hoặc chỉ vào cây núi, tùy theo ý thích mà lấy. Rồi nhờ một vị Tỳ-kheo đánh kiền-chùy bạch tăng. Khi tăng làm Yết-ma, sư y vào đó xướng phạm vi, bạch nhị mà kết. Kết giới xong, trong giới này cùng nhóm họp đến. Nếu có duyên sự không đến thì phải gọi dục và phụ thanh tịnh đến trong tăng. Trong tăng trước tùy theo việc mà làm Yết-ma xong, sau mới tụng giới. Nhưng ranh giới Bồ-tát, lớn thì có bốn, nhỏ thì có một.

Nói bốn là:

- Một là nhân pháp nhị đồng giới, như nói theo đó, thì vốn đồng một chùa mà kết thành. Bản chế của giới này không duyên ở nơi thực cho nên mới gọi như thế.

- Hai là thực pháp nhị đồng giới: Như có hai chùa trước đây đều khác nhau, y theo nhân pháp, cả hai đều đồng, nay tự nhiên hai chùa hợp lại cùng ẩm thực và cùng tác pháp. Mỗi chùa đều tự bạch nhị Yết-ma giải hết ranh giới cũ. Lúc hợp xướng hai chùa cùng nêu tướng và Yết-ma thêm. Đồng là thực pháp hai đồng giới.

- Ba là pháp đồng thực biệt giới: Như có hai chùa trước kia đều khác nhau, y vào nhân pháp hai đồng. Nay bỗng nhiên cả hai chùa chỉ muốn đồng pháp mà khác thực. Hai chùa đều giải và kết giới lại, y theo như trước đã làm.

- Bốn là Thực đồng pháp biệt giới: Như có hai chùa trước kia đều khác nhau. Nay bỗng nhiên muốn đồng ẩm thực mà không đồng tác pháp. Chúng tăng hai chùa cũng nhóm họp lại một chùa. Hoặc nhóm họp vào giờ thọ thực ở trong chùa đó tác bạch, hai pháp hòa đồng rồi cùng thọ thực. Đây không giống như giới trước. Suy theo bản ý của Phật, y cứ theo pháp đồng biệt để sinh khởi kết quả. Nay ở đây chỉ muốn được đồng thực mà không muốn đồng pháp, cho nên không giải giới tác pháp cũ. Trên đây là bốn giới kết pháp Yết-ma rộng như trong luật nói kiền-độ về giới. Mỗi nơi đều như bản mà kết. Trong huyền tướng cần phải cùng nhóm họp.

Lại y cứ vào phần nói về Kiền-Độ thì phải có tiểu giới. Nghĩa là đường đi của Tỳ-kheo trong ngày Bồ-tát. Nếu được thì cùng hòa đồng ở trong đó để tụng giới, đây là điều rất tốt. Nếu không làm được, thì tùy theo bạn đạo cùng nhóm họp lại một chỗ kết tiểu giới để thuyết giới.

Trong bài văn kết pháp nói rằng:

- Đại đức tăng xin lắng nghe!

- Nay có hứa cho Tỳ-kheo nhóm họp. Nếu thời giờ của tăng đã đến, xin tăng bằng lòng cho kết Tiểu giới.

Bạch như thế y cứ theo tác pháp Yết-ma. Đây gọi là kiết giới nan thuyết giới, cũng gọi là số nhân giới. Kiết giới lớn bốn nhỏ một ở trên đều gọi là Bồ-tát giới. Bốn kiết giới lớn ở trước đến ngày mãn hạ tự tứ cũng y theo đó mà lại bạch tự tứ. Nếu đi trên đường tới ngày tự tứ mà có nạn cũng y cứ đồng như thuyết giới, cũng khai tiểu giới. Nhưng về Nan tự tứ, trong bài văn kết tiểu giới nói rằng:

- Đại đức tăng nghe! Các Tỳ-kheo cùng tọa xứ như thế. Nếu thời giờ của tăng đã đến, tăng bằng lòng nghe: Tăng ở chỗ này kết tiểu giới, bạch yết-ma như thế y cứ theo nên biết. Đây gọi là Nan tự tứ giới (Ranh giới khó tự tứ). Cũng gọi là Tọa xứ mãn giới (Chỗ ngồi đủ khắp ranh giới). Lại kết giới trường cùng giúp đỡ cho nan thọ giới ở trước để thuyết giới tự tứ, nhị tiểu hợp lại thành bốn tiểu. Cùng với bốn lớn ở trước và ba tự tứ hợp lại thành mười một giới. Trong ba giới tự nhiên này lại thêm bảy Bàn-Đà-la, Lan-nhã, Nan tập hợp thành mười hai giới. Mười hai giới này đều là nơi nhóm tăng. Nhà thuyết giới là nơi đi tới, chẳng phải là nghĩa tập hợp tăng. Y theo các nơi đất sạch, kho lẫm, đều chẳng phải là nghĩa nhóm họp tăng.

Nói rộng về cách thức kết giải và chỗ dụng như trong bản Yết-ma và Đại luật. Nay lược trình bày ra để tùy theo sở ứng. Bốn lớn một nhỏ cùng nhóm họp lại tận giới, nên gọi là hòa hợp tập hội tăng lại...

Thứ hai là giải thích nghĩa hòa hợp, xem trong văn luật có ba loại văn: Cùng với giới bản này thì hợp có bốn thứ, trong bốn thứ văn này, thì hai văn giải thích thẳng ý nghĩa hòa hợp. Hai văn này giải thích đầy đủ các phương tiện tác pháp về giản dị, phức tạp, lưu suốt và chậm rãi.

Lại y cứ theo Kiền-Độ Chiêm-Ba mà giải thích hòa hợp rằng: Mỗi trụ xứ hòa hợp một chỗ (Tức là người nên đến thì đến). Lúc Yết-ma người nên gửi dục thì gửi (Nói gửi dục lý thật là cùng cho thanh tịnh).

Hiện tiền nên quở trách thì quở trách, ba nghĩa này để giải thích hòa hợp. Theo Tạp Kiền-độ khai ra có năm nghĩa để khuyên nên hòa hợp, vì thế trong văn kia nói có năm pháp nên hòa hợp:

- Một là như pháp nên hòa hợp (Nghĩa là Bồ-tát Yết-ma nên hòa hợp – Tức người nên đến thì đến).

- Hai là im lặng đến (nên quở trách thì quở trách).

- Ba là cho gửi dục (đáng cho gửi dục thì cho).

- Bốn là từ niềm tin mà nghe.
  - Năm là trước ở trong chúng ngồi im lặng.
- Gom năm điều này lại thì thành ra ba hòa hợp.

Nghĩa thứ nhất trong Ba hòa hợp là đến văn này tăng nhóm họp, Người gọi dục thì cho gọi dục. Văn này nói các Tỳ-kheo không đến thì thuyết dục và thanh tịnh. Người đáng quở trách thì quở trách, ở đây là nói về hai chữ Hòa Hợp, nhưng hòa hợp có hai nghĩa:

- 1- Y cứ hạn cuộc vào tên gọi tức đáng quở trách thì quở trách
- 2- Y cứ vào tên phổ thông tức người nên đến thì đến và cho gọi dục. Đây gọi chung là hòa hợp.

Lại xét duyệt chúng và đem sự hỏi đáp tức là phương tiện Yết-ma thuyết giới. Nhưng trước khi thuyết giới lại hỏi đáp ni có thỉnh giáo giới hay không. Nếu chỉ Yết-ma không gọi dục thuyết giới thì không cần đến việc này. Hai văn trước nói về tác pháp phương tiện đơn giản, phức tạp nhanh chậm, tức trong văn giới này cho là một loại. Như hướng đây mà nói lược lại có một bài văn nói về Kiền-độ y Ca-hy-na. Cũng chính là hai bài văn nói về phương tiện tác pháp.

Như văn kia nói: - Chúng tăng nhóm họp hòa hợp chưa? Người thọ đại giới đã ra hay chưa? Nay thuyết dục làm gì?

Nên đáp: Để nói xả y công đức.

Ở trên là tạm nêu ra các pháp Yết-ma trước, y theo pháp này chia thành sáu pháp:

- 1 Hỏi tăng nhóm họp chưa? (Đáp đã nhóm họp).
  - 2 Có hòa hợp không? (Đáp: hòa hợp).
  - 3 Người chưa thọ đại giới ra chưa? (Nếu có thì đáp: Đã ra rồi. Nếu không thì đáp: trong đây không có người chưa thọ đại giới).
  - 4 Các Tỳ-kheo không đến thuyết dục và thanh tịnh.
  - 5 Hỏi: nay Tăng hòa hợp để làm gì?
  - 6 Đáp: Để xả y công đức. Nếu làm các pháp khác thì tùy theo việc mà đáp. Nhưng cũng có sự mở rộng hoặc hạn cuộc như việc thọ giới.
- 1/ Sai người làm thầy oai nghi.
  - 2/ Gọi nhập chúng
  - 3/ Thầy Yết-ma đối trước chúng hỏi già nạn.

Ba điều này đều là đơn bạch. Văn hỏi xong rồi, sau đó tác bạch bốn lần và cho thọ giới, bốn pháp này cùng duyên thọ giới nên gọi chung, đáp là Yết-ma thọ giới. Nếu ở trong có người đứng ngồi qua lại không nhất định. Thì nên tùy theo mỗi việc mà hỏi đáp riêng, về tác pháp, như hỏi rằng:

- Nay Tăng hòa hợp để làm gì? Đáp: tăng sai thầy oai nghi ra xem xét chúng, hỏi già nạn, đơn bạch Yết-ma. Các việc gọi nhập chúng, mỗi pháp đều làm riêng, y theo đây nên biết. Nhưng hành sự bây giờ sợ không còn hết lòng như vậy. Phần nhiều chia ra hỏi đáp riêng. Nếu y theo Luật sư Tương Châu thì hợp chung hai pháp đầu lại hỏi: Tăng nhóm hợp hòa hợp chưa? Đáp: - Tăng đã nhóm hợp hòa hợp. Có khi nhóm hợp mà không hòa hợp, nếu hỏi riêng thì tốt. Nay muốn phương tiện thuyết giới thì nên chia ra bảy pháp:

Một là hòa hợp.

Hai là tăng nhóm hợp lại.

Ba là người chưa thọ giới ra chưa? (Đáp cũng như trước)

Bốn là Tỳ-kheo không đến có thuyết dục và thanh tịnh không.

Đối với ở đây lược chia thành ba môn:

- Một là y cứ vào pháp.

- Hai là y cứ vào người.

- Ba là y cứ vào thời.

Nói y cứ vào pháp đó là người ở trong tăng Yết-ma có tâm ưa thích, nhưng ta có duyên mà không đến nhóm, cho nên truyền cho một người đem lời tôi đến bạch cho tăng biết. Tăng thọ dục rồi thì làm pháp Yết-ma thành tựu, chỉ có kết giới pháp, cần phải nhóm chung không cho thọ dục.

Nói thanh tịnh là hễ muốn thuyết giới thì cần phải thanh tịnh. Dưới cho đến không phạm tội Đột-cát-la. Nếu có phạm tội với kỳ thuyết giới trước thì phải sám hối trước rồi mới cho nghe giới. Nay tôi có duyên mà không đến, tôi thanh tịnh có thể nghe thuyết giới. Cho nên khiến một người truyền lời thanh tịnh này cho tăng biết. Tăng đã thọ rồi, thì được thuyết giới, tác pháp thành tựu, y cứ theo trong luật nói, nhóm Tỳ-kheo sáu vị gửi dục mà không thanh tịnh. Và việc gửi dục này không cho gửi dục việc khác. Do đây mà Phật chế chung từ nay trở đi các việc tăng khác đều cho gửi dục thanh tịnh. Hoặc lúc tự tứ thì gọi là như pháp tăng sự, gửi dục tự tứ. Không đồng như lúc thuyết giới chư tăng nhóm hợp gửi dục thanh tịnh, đều cho không đến thuyết giới nhưng cần phải gửi dục. Nhưng duyên gửi dục hoặc vì việc Phật, pháp, tăng, vì bệnh hay sắp bệnh v.v... Giữ phòng xá, chùa chiền v.v... Còn nếu không có việc gì mà muốn gửi dục thì phạm tội nói dối. Pháp chúng tăng thành tựu.

Thứ hai y cứ vào người mà phân biệt:

- Một là người thọ dục

- Hai là người cho dục



- Ba là người truyền dạy

\* Người thọ dạy: lúc thuyết giới, nếu trong giới chỉ có bốn người thì phải nhóm họp. Không được ba người thọ còn người thứ tư thì gọi dạy. Thọ mà không thành thì là riêng chúng.

Bốn người nhóm họp xong, mới được cho người thứ năm gọi dạy.

Lại y theo luật Tăng-kỳ quyển hai mươi bảy thì không cho người gọi dạy nhiều hơn số người nhóm họp, nếu không như thế thì phạm Việt tỳ-ni.

2/ Người cho dạy: Trừ người phạm tội trọng, ba căn đã lộ và bị nêu lên ba lần thì các đại tăng ni khác đều nhận gọi dạy thanh tịnh cho chúng.

3/ Người trì dạy: Cũng là Tỳ-kheo thanh tịnh không có lỗi. Thọ dạy xong rồi thì đi thẳng lên giảng đường. Nếu không có việc nạn, không được qua phòng xá khác mà ra khỏi ranh giới. Như trong luật nói: không được đi đường và ra ngoài giới. Có hai mươi bảy loại người không thể làm người trì dạy (giữ dạy). Ở đây không thể ghi lại việc dự dạy cho nhiều người. Trước ghi lại tên họ, nếu quên tên thì nói qua về tướng mạo của người gọi dạy. Tướng mạo cũng quên mới được nói chung là các Tỳ-kheo v.v... Như việc pháp tăng gọi dạy thanh tịnh. Hai mươi bảy hạng người lược lại trong bài tụng sau:

Mạng đã qua đường khác, Vào bộ riêng ngoài đạo, Giới tràng mặt trời lên, khó nêu diệt thân nghe.

Thứ ba là y cứ vào thời: khi mặt trời mọc là mất pháp gọi dạy, như trong luật có nói.

Kế là giải thích: Mọi người đã nghe thuyết giới, Giới sư nói: Các Tỳ-kheo không đến thuyết dạy và thanh tịnh. Người dự dạy nên ngồi phía dưới đến trước tăng tác bạch. Tác bạch xong, vị Duy-na đáp rằng: Đã thuyết dạy rồi, nếu không có người gọi dạy thì đáp: Trong đây không có người thuyết dạy.

5/ Có ai sai Tỳ-kheo-ni đến thỉnh giáo giới không: Nghĩa là trong tám pháp phải cung kính, ni nửa tháng thỉnh một vị đại tăng có đủ mười đức đến chùa ni thuyết giáo giới. Ngày thuyết giới, ni sai một vị Tỳ-kheo-ni đến Đại tăng bạch nhị Yết-ma cầu giáo giới. Tỳ-kheo lại sai hai, ba vị làm bạn. Người được sai đi phải thanh tịnh vô nạn. Đến trong đại tăng thỉnh vị Sư có đủ mười đức. Người được sai đi trong ngày đó đến chùa Đại tăng thỉnh một vị tăng đến giáo giới cho ni. Bài văn thỉnh như sau: - Đại đức nhất tâm niệm, Tỳ-kheo-ni chùa v.v... chúng con đã hòa hợp. Có sai Tỳ-kheo-ni là... nửa tháng đến đánh lễ đại tăng cầu xin

giáo thọ cho Tỳ-kheo-ni.

Ba lần câu thỉnh thì Đại tăng đáp: - (Được).

Cho nên ngày nay thuyết giới thường hỏi ý rằng: Chùa ni sai ai đến thỉnh thầy giáo giới ni.

Người thọ nhận, nghe liền đứng dậy, lễ Phật lễ tăng rồi bạch đại chúng rằng: - Đại đức tăng nghe! Nay chúng Tỳ-kheo-ni chùa v.v... cùng hòa hợp. Những lời khác như trước mà tác bạch. Tác bạch xong thì lần lượt đi. Những vị từ hai mươi tuổi hạ trở lên, cung kính chấp tay, thay thế ni mà thỉnh rằng: - Xin Đại đức từ bi làm Giáo thọ cho chúng ni.

Nếu biết tăng có đủ mười đức thì đáp rằng: Được.

Chúng tăng liền ứng theo lượng nghi bạch hai lần Yết-ma sai vị Tỳ-kheo có thật đức đi. Theo luật Tăng-kỳ thì vị được sai đi tùy theo tháng trắng, đen (rằm, mùng một), trong ba ngày đầu và hai ngày sau không được đến chùa ni. Vì ni chúng nói giới xong và lúc sắp nói giới sợ thành phiền não lớn, trong mười ngày đó, cho phép đến chùa ni giáo giới.

Ni hỏi có thể được không và mọi việc thuận nghịch như trong luật nói rộng. Nếu các đại tăng từ chối cho là vô đức không có khả năng thọ ni thỉnh. Người đại diện thỉnh nên đến trước vị Thượng tọa bạch rằng: - Các Đại đức đều từ chối, nói là vô đức không có khả năng thọ nhận.

Thượng tọa lược dạy rằng: - Các Đại đức đều từ chối, cho nên các vị nên tự tiếc lấy sự nghiệp.

Hôm sau các Ni lại đến thỉnh thì bảo với các Ni rằng: - Các vị ở đây không có khả năng làm giáo thọ Tỳ-kheo-ni, lại không khéo việc nói pháp.

Tuy nhiên, vị Thượng tọa có lời dạy ni chúng rằng: - Các vị hãy thuận theo thánh giáo, như pháp hành trì, cẩn thận chớ có buông lung.

- Vị đại diện thỉnh đáp: Nhĩ (vâng)

Hôm sau, vị ni này ở trong ni chúng quỳ thẳng thưa lại lời Thượng tọa dạy.

- Thượng tọa Đại đức có lời dạy với chúng ni v.v... Truyền dạy xong thì các vị đánh lễ nghe giới. Nghe xong thì đánh lễ ba lạy trở về liêu phòng. Nay lại y cứ lúc đại tăng thuyết giới. Thọ lời Thượng tọa dạy xong thì vị Duy-na đáp: Đã giáo giới xong.

Hỏi rằng: - nay Tăng hòa hợp để làm gì?

Thứ bảy Đáp: Thuyết giới Yết-ma. Bảy pháp trên đây hợp lại thành phương tiện trước khi thuyết giới đã xong.

Tóm lại, phần thứ nhất đã nói xong về phần hòa hợp. Từ phần thứ hai về sau là chế ra đồng pháp. Tăng thể lục hòa nghĩa Yết-ma nên đồng thấy. Nghĩa thuyết giới nên đồng giới. Bốn điều hòa thuận khác thành tựu ở điều hai này. Do đầy đủ công đức sáu hòa. Cho nên các Hiền Thánh đều hết lòng lễ kính tăng, hướng chi là các phạm phu. Nhưng khi thuyết giới, bốn người trở lên thì phải đơn tác bạch, nói rộng giới bản. Như trong văn này nói nếu ba người trở xuống thì phải đến tận cuối ranh giới nhóm họp không được thọ dụng. Lần lượt đối thú mỗi người đều nói: Hai Đại đức nhất tâm niệm, hôm nay ngày rằm (hoặc ba mươi) chúng tăng thuyết giới.

- Tôi là Tỷ-kheo v.v... thanh tịnh (ba lần), nếu chỉ có hai người thì nói thẳng.

- Đại đức nhất tâm niệm v.v... (lời cũng như trên). Nếu chỉ có một người thì đối trước bàn Phật nói: Hôm nay là ngày... tháng..., không cần nói Đại đức nhất tâm niệm, còn lại đồng như trước.

Ba người trở xuống thì tâm niệm đối thú, chung cho các giới tự nhiên, tác pháp. Y theo giới nhóm họp mà không nói giới bản.

Không đồng với các việc luận đối thú v.v... xong vẫn nói giới bản. Trong lúc tăng nói nếu có nạn sự thì được khai pháp mà nói lược ba năm lần. Lại ngày thuyết giới đều chung ở các ngày mười bốn, mười lăm, mười sáu, ba mươi đều nói được, rộng như trong luật.

Kinh nói: Các Đại đức! v.v... cho đến khéo nghĩ nhớ...

Từ phần thứ ba về sau là khuyên văn tu; Văn chia ra làm ba. Đầu tiên là khuyên lắng nghe, kế là khuyên khéo tu học. Sau cùng là xem xét giữ gìn.

- Lắng nghe: là lắng tai nghe, khéo suy nghĩ trong ý mà thành ra văn tuệ.

Kinh nói: Nếu tự biết mình có phạm v.v... cho đến được an vui.

- Nói khuyên khéo tu học. Văn này có ba nghĩa, một là tự tâm sám hối, hai là nhân nêu ra mà sám hối, ba là làm rõ sự tổn ích.

Trong văn nói Tỷ-kheo như thế ở trong chúng cho đến ba lần hỏi... Nêu ra ba lần hỏi cũng nói lên năm đức để hỏi: Im lặng nói đối y theo luật thì phạm Đột-cát-la. Vì làm chướng ngại pháp Thế gian xuất thế gian nên gọi là Tổn.

- Từ Tỷ-kheo kia ngớ nghĩ rồi v.v... cho đến an vui. Pháp thế gian xuất thế gian đều được an vui nên gọi là Ích.

- Các Đại đức! Như thế mà hành trì v.v... vặn hỏi rồi thì xem xét, nghĩa là trước khi thuyết giới phải hỏi trong đại chúng có tịnh uế gì

không. Nếu uế thì khi nghe giới luật bị giáo che ngăn. Biết ngăn che mà nghe thì phạm ba câu hỏi của bài tựa. Lại tùy theo ẩn tội đến lúc hỏi ba câu lại phạm im lặng ba câu hỏi ở chánh Thiên. Cho nên nay xem xét lại không để cho bất ổn. Trong văn Kiền-độ thuyết giới có nói: Nếu có phạm thì không được thuyết giới, không được nghe giới. Không được hưởng về người đang phạm tội mà nói sám hối. Nếu phạm thì không thọ người sám hối. Đã xem xét rồi thì trong chúng cùng ghi nhớ thọ trì, nên nói việc như thế mà thọ trì. Kinh nói các Đại đức, v.v... cho đến xuất xứ từ trong giới kinh.

Thuật rằng: Từ phần thứ hai trở xuống, là khai tông xem xét, phần tùy theo văn gồm có tám đoạn, mỗi đoạn có ba: Văn hợp tám đoạn này gọi là ngũ thiên. Như trong phần khai phát nói lược về danh tướng. Nhưng tội năm thiên đầy đủ gồm có hai nghĩa: Một là chỉ có quả tội, hai chính là sự quan trọng cần thiết. Cho nên trong kinh nói nửa tháng tụng một lần. Nếu chung cho việc nhân quả mà chia ra thì lập thành bảy nhóm.

- Một là Ba-la-di
- Hai là Tăng tàn.
- Ba là Thâu-lan-già.

Hai tội đầu là tội phương tiện, nghĩa là bao gồm cả nặng và nhẹ, Thâu-lan-già là quả tội như dùng da người, bát đá, tóc người, lộ hình, v.v...

- Bốn là Ba-dật-đề.
- Năm là ĐỀ-xá-ni.
- Sáu là ác tác.
- Bảy là ác thuyết.

Nghĩa là trong chúng học, thân phạm ác tác, ngữ phạm ác thuyết và năm nhóm trước dùng phương tiện xa cùng với thiên không nhiếp các quả Cát-la. Như xếp thuyết giới, không an cư, không tự tứ v.v... Trong luận này, nói về thiên tự ý nghĩa có chút khác nhau, không thể nêu ra hết. Nói chung tất cả về ý của người chế giới sơ lược có ba môn:

- 1- Ngừa lỗi.
- 2- Sinh về đường lành
- 3- Được mười điều lợi.

Theo luận Du-già quyển chín mươi chín có nói chung về thiên tự để ngừa lỗi thì có mười lăm loại, cho nên phải chế.

- 1- Lỗi của việc quan trọng.
- 2- Lỗi ràng buộc mạnh mẽ.

- Hai loại này ở trong thiên đầu có nói rõ.
- 3- Lỗi thiếu thốn không thích đủ.
  - 4- Lỗi bị người dèm pha.
  - 5- Trước người bất tín, lại càng khiến họ bất tín. Trước người có tín lại thay đổi.
  - 6- Lỗi nghèo hèn lại chứa nhiều duyên sự.
  - 7- Lỗi đấm nhiễm
  - 8- Lỗi xúc não người
  - 9- Lỗi phát khởi bệnh tật.
  - 10- Lỗi chướng ngại con đường lành Sa-môn.
  - 11- Lỗi đáng hộ trì lại không hộ, không đáng hộ mà hộ.
  - 12- Lỗi không đáng nương tựa mà nương tựa, đáng nương tựa thì lại không nương tựa.
  - 13- Đáng cung kính thì không cung kính, không đáng cung kính thì lại cung kính.
  - 14- Nên che giấu thì không che giấu, không nên che giấu thì lại che giấu.
  - 15- Đối với việc nên gần gũi thì lại không gần gũi, không nên gần gũi thì lại gần gũi.

Mười lăm lỗi này, ở trong một giới hoặc có một, hai, cho đến có nhiều, tùy theo suy nghĩ mà nhiếp biết. Có bài tụng rằng:

*Trong, phiền, quĩ, hiềm, tín  
Tham, nhiễm, não, bệnh, chướng.  
Hộ, y, kính, phú, cận.*

Đó là mười lăm lỗi. Thứ hai là muốn cho chúng sinh sinh về cõi lành cho nên chế giới. Phật giáo không vượt khỏi ba đức của khế kinh.

Một là vì lo sợ đọa vào đường ác cho nên nói trì giới khế kinh.

Hai là vì sợ nghèo cùng cho nên nói bố thí khế kinh

Ba là sợ hãi phiền não mà nói tu khế kinh, cho nên biết rằng: đặt ra giới này là để sinh về cõi lành.

Thứ ba là được mười điều lợi như trong luật có nói rộng.

Trước giải thích văn thiên đầu, chia ra làm ba. Đầu tiên nói về chỗ y giáo. Hai là phân biệt danh tướng của tội. Ba là kết xong rồi thì xét xét và thọ trì. Nghĩa là Ba-la-di nói về tội đó, y theo lời Phật chế mà nửa tháng thuyết giới một lần, như trong giới kinh.

Ba-la-di, Hán dịch là Tha thắng. Vì giới này chú trọng việc phá trừ phiền não oán kết. Trong luận Du-già gọi là Bỉ Thắng (kia Thắng) cũng là ý này. Từ phần hai trở xuống gọi là nêu tội danh tướng. Bốn

giới tức là bốn giải thích chung tất cả cụ duyên thành phạm, phân biệt thành hai môn:

1. Duyên chung có ba như trong luận có nói: Hoặc người đã thọ giới Tỳ-kheo, hoặc Như lai đã đặt ra giới này, hoặc người không đến si pháp.

2. Biết duyên thô chia làm ba môn, chia nhỏ ra thành bảy môn.

Nói ba môn: Một là cảnh, hai là tâm, ba là nghiệp.

Chia kỹ thành bảy môn là: Về cảnh có hai loại: Một là cảnh sở tổn, hai là cảnh thành tội.

Tâm có ba loại: Một là duyên theo cảnh sở tổn, hai là duyên theo cảnh thành tội, ba là phát nghiệp.

Tâm nghiệp có hai: Một là nghiệp phương tiện, hai là nghiệp rốt ráo.

Tùy theo mỗi giới đều có hai duyên chung riêng này mà phân biệt các môn. Trước là giải thích giới đầu tiên chung theo duyên có thể biết. Đối với duyên riêng không làm tổn cảnh và tâm. Duyên tổn cảnh vì không y cứ theo tổn cảnh mà chế. Cho nên không đợi duyên mà thành cảnh tội. Nếu tâm không duyên mà chỉ là chánh cảnh thì đó là phạm. Nhưng phạm này có hai:

**I.** Tự tâm hướng về cảnh phạm, đầy đủ cả bốn duyên:

Một là thành tội cảnh, cảnh chung cho ba đường. Thân nữ và hai hình đều ở ba chỗ này. Thân nam và hoàng môn ở hai chỗ đều là chánh cảnh.

Hai là có phát nghiệp tâm, quyết tâm thú cảnh.

Ba là khởi lên nghiệp phương tiện

Bốn là thành nghiệp rốt ráo.

Như văn luật nói: Nhập vào đầu chân lông.

**II.** Oán bức tạo cảnh; Đầy đủ cả ba duyên:

1. Thành tội cảnh.

2. Cảnh oán bức hợp thành nghiệp phương tiện.

3. Thọ vui làm nghiệp rốt ráo.

- Giới văn có chín câu:

1/ Nếu Tỳ-kheo là người khéo thọ đắc giới, hoặc cho phạm giới này, cho nên nói nếu.

2/ Cộng Tỳ-kheo giới: Cùng tăng đồng thọ mà đắc giới. Nếu phạm tội thì trái với công này.

3/ Đồng giới: Cùng thanh chúng đồng trì giới này, nếu phạm liền trái với đồng này.

4/ Không hoàn giới, hoàn là xả. Trái lại nếu xả giới tức là không phạm, cho nên trong văn luật nói: Nếu có người không thích đời sống phạm hạnh thì xả giới hoàn tục. Nếu lại muốn xuất gia thì nên độ cho xuất gia lại và cho thọ Đại giới. Nếu người phạm tội trọng làm chướng đạo chắc chắn không thể trị thì cho khai điều này.

Trong kinh Tăng Nhất A-hàm, nói Tỳ-kheo Tăng-già-ma qua bảy lần xuất gia hành đạo nay mới thành đạo. Từ đó về sau nếu muốn xả giới thì cho được bảy lần.

Theo luật Thập tụng Ni thì nếu xả giới, phải chuyển căn thành nam mới được xuất gia. Nếu không cho Ni xả giới mà càng thọ thêm là xấu ác.

5/ Phạm giới không sám hối cũng đồng như không xả giới. Câu trước đã nói rõ rằng: Tuy đạo đã sâu xa, bị phiền não ép ngặt nên hành giới phi pháp. Câu này nói tâm giữ giới nhỏ nhiệm, mà giới vẫn còn thì việc phạm tội đó cũng là phạm vị. Cho nên ở đây mới nêu ra như vậy. Pháp xả giới, rộng như trong luật có nói, không thể nêu ra hết.

Năm câu trên đều có đủ ở phần sau của các giới. Dùng cái sau để xét cái trước, thì cái sau không thể trình bày ra.

6/ Phạm hạnh bất tịnh tịnh: Nghĩa là hạnh Niết-bàn có công năng hưởng về. Nay phạm giới này là tạo ra con đường đồng sinh tử cực trọng, là nguồn gốc của đau khổ trái với Niết-bàn. Cho nên chỉ nêu tên riêng.

7/ Là cùng chứa nuôi: Cảnh chung cho cả ba cõi mà không xét sự sống chết, cho nên nói cho đến.

8/ Tỳ-kheo Ba-la-di: Là phần kết nêu tên lại. Trong luật ví như chặt đầu người không thể sống lại. Tỳ-kheo cũng vậy. Nếu phạm giới này thì chẳng phải Tỳ-kheo, nên gọi là Ba-la-di.

9/ Bất cộng trụ là nói rõ tăng bị tấn pháp. Trong luật lại y cứ vào Yết-ma mà thuyết giới. Hai pháp bất cộng, theo lý thật cũng đối với các việc lợi dưỡng phòng nhà cũng là bất cộng trụ. Rõ được ý Phật dạy, vốn nhiếp chúng gần được trời người, xa thì đắc quả Niết-bàn. Ở đây đều là chướng sẽ đọa vào đường ác, cho nên phải diệt tận hẳn.

**\* Thứ hai nói về giới trộm, vẫn có tám câu:**

1. Nếu Tỳ-kheo chứa người phạm tội.
2. Hoặc ở tại làng xóm, hoặc ở chỗ nhàn tịnh, nơi đặt vật bỗng nhiên đi qua nhân gian và nơi xa xôi.
3. Không cho sắp bày vật của chủ: Chủ chỉ là người ở nơi khác thì phạm nhẹ.



4. Tâm trộm: Tâm trộm này trong luật phân biệt có hai mươi lăm. Năm tâm thứ nhất là: Tâm hất ám, tâm tà, tâm dua nịnh, tâm bất thiện, tâm thường trộm vật của người. Lại có năm là: quyết định lấy, sợ hãi lấy, lấy vật gỏi, thấy liền lấy, dựa thế mà lấy.

5. Tùy theo pháp không cho mà lấy, trong văn luật giải thích: Hoặc năm tiền, hoặc trị giá năm tiền, ý văn này nói là thuận theo không cho mà thành phạm. Đối với năm tiền đầy đủ các duyên.

Bốn tiền trở xuống chỉ phạm tội Thâu-lan-già. Nói đủ duyên là duyên chung có thể biết. Duyên riêng đầy đủ có bảy: Tức phân biệt đầy đủ có bảy môn.

1/ Chỗ tổn cảnh, chỉ hạn cuộc vào công lực giảm tài của người chủ. Người có phước mạnh thì sẽ xâm tổn chướng đạo rất nặng. Cõi trời và phương Bắc, các vật từ đó hóa ra mà có. Nếu có tâm keo lẩn thì trộm cắp không thành tội nặng.

2/ Cảnh duyên bị tổn, tức tướng của người chủ: Chỉ khiến cho người tưởng mà không phân biệt là nam hay nữ. Cho nên trong văn luật nói: - Nam tưởng trộm vật của nữ. Phần dưới vọng cung kính cũng đồng như vậy.

3/ Thành cảnh tội: Tức năm tiền, hoặc đúng giá năm tiền.

4/ Cảnh duyên thành tội: Tức là tướng năm tiền, trong luật tuy không nói, mà vẫn vẫn tương ứng đầy đủ.

5/ Nghiệp tâm phát, tức là tâm trộm.

6/ Nghiệp phương tiện: Theo luận Tát bà đa thì phát tâm dần dần phạm cát-la, xúc vật phạm Thâu-lan-già nhẹ thành nặng.

7/ Nghiệp rốt ráo: Tức là ly xưa, ly xứ có nhiều loại.

Nhân đây cũng nên giải thích rộng về chủ vật. Chủ có hai loại: Chánh chủ và Thủ hộ chủ. Nếu chủ chia nhỏ thì có sáu loại: gồm chủ vật ba đường và chủ Tam bảo, là sáu. Phần lớn là nói theo các bộ. Vật của người thì phạm tội trọng, của phi nhân Thâu-lan-già, của súc sinh phạm cát-la. Trong vật Tam Bảo lại dùng tám môn để phân biệt.

1. Từ trộm cắp mà thành tội.
2. Dùng lẫn nhau
3. Chứa nuôi lẫn nhau.
4. Nhiếp vật có khác.
5. Thọ thí khác nhau.
6. Ai có khả năng coi sóc.
7. Xem qua phép tắc
8. Xuất xứ từ nghi Nhị Quý.

Tám môn này có trình bày ở sách khác, ở đây không giải thích.

6/ Câu thứ sáu: Nếu là Vua, Đại Thần thì tùy theo luật pháp nước đó mà trị phạt, quả trách nặng nhẹ.

Ba câu trước thì giải thích về chướng rất sâu. Câu thứ sáu này việc trị phạt quả trách thật nặng.

7/ kết tội

8/ Đuổi hẳn, như giới trước đã giải thích

**Thứ ba: Giới giết người, vẫn có bảy câu:**

1/ Cho người phạm

2/ Tâm phát nghiệp: tức tâm sát, nếu giết lầm, hoặc không có tâm phát nghiệp thì hoàn toàn vô tội.

3/ Tự tay giết, dùng các phương tiện rớt ráo, phát nghiệp.

4/ Mạng người bị tổn hại, chỉ là cõi người. Chính trong chỗ báo thặng mà xả thân đau khổ này thì chướng ngại càng sâu, các vị trời xả mạng không có đau đớn. Lại do ít nên không phạm tội nặng.

5/ Từ cầm dao trở xuống là môn sai biệt trong phát nghiệp.

Trước nói về nghĩa tự giết mà không chết, nên phải nói riêng.

Trong đây có hai:

1. Cầm dao đưa cho người – Ở đây có hai nghĩa:

- Một là biết người đó bị bệnh tự nhằm chán thân mạng. Dùng tâm ngu muội dạy người, cho đó là hành từ. Cầm dao bảo người tự sát, và chẳng phải người bệnh biết đến những nơi hiểm trở hầm hố v.v... Tất cả đều phạm.

- Hai là cầm đưa cho trao người, bảo đi giết người khác, cho uống thuốc đọa thai v.v... tất cả đều phạm.

2. Khen ngợi chết, khuyên nhủ chết, v.v... cho đến thà chết không muốn sống, v.v...

Khuyên người nhằm chán thân mạng này mà tự sát chết đi.

3. Có tâm như thế cho đến khuyên chết. Tóm lại, tâm sát khởi lên phương tiện khác. Phương tiện thì có nhiều không thể tính ra hết nên nói là các thứ.

Giới này về duyên riêng đầy đủ có năm:

1/ Chỗ tổn cảnh: Tức là mạng người ở câu thứ tư.

Luật ngũ phần nói: Hoặc người, hoặc dường như người; Dường như người là khi nhập thai bốn mươi chín ngày từ đó về sau đều gọi là người.

Luật tứ phần nói: - Con người từ sơ thức cho đến hậu thức, mà đoạn mạng người còn sơ thức tức là mới nhập vào thai thức, hậu thức

tức là thức lúc qua đời.

2/ Duyên sở tổn cảnh: Tức là tướng người, chỉ nghĩ là người mà không phân biệt nam nữ, từ đây thành ra cảnh tội, tức là cảnh sở tổn. Duyên thành tội cảnh tức là tướng người mà không tướng cảnh khác.

3/ Tâm phát nghiệp: Tức là tâm sát của câu thứ hai.

4/ Nghiệp phương tiện

5/ Nghiệp rốt ráo: Tức câu thứ ba, thứ năm. Nghĩa là lúc mạng sống đã chấm dứt. Ở đây nói: Giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán phạm tội Ba-la-di. Giết phi nhân loài biến hóa thì phạm Thâu-lan-già, v.v...

6/ Phần kết tội

7/ Đuổi hẳn.

Đối với giới này, nói lược về cảnh tướng, nêu rõ ràng trong văn luật cảnh tướng có ba:

1. Cảnh tướng sát giới, như trong luật văn nói: Người có tư tướng giết người phạm Ba-la-di. Nghi là người phạm Thâu-lan-già. Nhân, phi nhân nghĩ giết phạm tội Thâu-lan-già. Nghĩ giết nhân, phi nhân phạm Thâu-lan-già. Nghi là phi nhân phạm Thâu-lan-già.

2. Nghĩ cảnh dâm tửu: Y theo năm câu trước. Nhưng câu hai nghi, câu ba tướng (nghĩ), đều là kết rốt ráo. Nếu phòng ngừa chặt chẽ, không tùy theo tâm là nhẹ.

3. Nghĩ cảnh giới trộm: chỉ có bốn câu:

- Có chủ tướng có chủ, năm tiền hơn năm tiền, phạm Ba-la-di.

- Nghi có chủ phạm Thâu-lan-già.

- Không chủ tướng có chủ phạm Thâu-lan-già.

- Nghi vô chủ phạm Thâu-lan-già.

Theo giới sát ở trước thì giới thiếu câu ba. Vì sao? Giải thích rằng: Tất cả cảnh tướng gồm có hai loại:

- Một là khinh trọng đều đối nhau, như giới sát ở câu thứ năm, ba câu trên đối với người là phạm tội nặng, cảnh tùy theo tâm khác nhau mà thành tội Ba-la-di, Thâu-lan-già. Hai câu dưới, nếu phi nhân thì phạm tội khinh, cảnh cũng tùy tâm mà khác nhau, thành ra tội Thâu-lan-già. Tức là y cứ theo cảnh tướng mà nặng nhẹ.

- Hai là phạm, không phạm đều đối nhau, như giới trộm có chủ tức là phạm, vô chủ thì không phạm, cả hai đều tương đối. Nếu y cứ về lý thì hai loại này có đủ cả năm câu. Nay y cứ vào lý khác nên có nhiều ít. Nghĩa là như giới sát không sợ phạm vô lậu thứ ba. Nếu là giới trộm thì có sự lạm trị vô phạm thứ ba.

Vả lại, như giới sát sợ phạm lậu hữu, vì tướng nhân, phi nhân ở

câu thứ ba. Ý này có hai nghĩa:

- Một là phương tiện giết người. Vốn là tướng người, lúc gần giết mới chuyển thành phi nhân mà nghĩ giết. Chưa chuyển thành người thì phạm tội Thâu-lan-già. Khi giết người chỗ thâu đắc nhân phạm Thâu-lan-già trong giới tông. Cho nên trong văn kết tội Thâu-lan-già. Sau khi chuyển lại tưởng là phi nhân nên phạm tội Cát-la. Chẳng phải giết người cho nên ẩn đi không nói.

- Hai là muốn giết phi nhân, trong cảnh người mà tưởng là phi nhân. Đây tuy gọi là phi nhân mà tướng người vẫn là phi nhân được người sai đến, chỉ có phi nhân ở trên phạm tội Đột-cát-la. Tội này chỉ giết phi nhân mà tông vọng giết người, hoàn toàn không có câu này.

Trong hai nghĩa, nếu từ nghĩa sau mà thiếu câu thứ ba tức là mất nghĩa trước về tội giết người. Cho nên từ nghĩa trước mà lập tội bất lậu ở câu thứ ba.

Tiếp theo là nói giới trộn: Sợ trị vô phạm, cho nên khuyết câu ba. Nghĩa là câu ba nói: Có chủ tướng vô chủ, cũng có hai nghĩa: Một là nghĩ trộm vật có chủ. Nếu chưa chuyển chủ trước thì phạm Thâu-lan-già, tức là sau khi tướng chuyển đạo tông thì hoàn toàn vô tội.

2 Là xưa nay có tâm muốn lấy vật vô chủ. Đây cũng gọi là có chủ nghĩ là vô chủ. Nghĩa này, chỉ cần không phạm vào tông thâu. Nay đối với hai nghĩa, nếu từ nghĩa trước mà lập câu ba thì sợ lạm trị không phạm ở nghĩa sau, cho nên không lập. Nếu y cứ vào lý cùng tận thì nên từ nghĩa trước mà lập câu ba. Như trong giới phòng xá, xử phân mà nghĩ không xử phân, đó là tận lý.

Cho nên thuyết tận lý hai loại các giới thì phải đầy đủ cả năm. Nhưng hai loại này như trong giới giết người hoặc chẳng phải người, sự nặng nhẹ đều tương đối. Cũng được hữu tình, vô tình, phạm hay không phạm đều tương đối.

Trong giới trộm dù có chủ, vô chủ cũng như nhân chủ, phi nhân chủ trong nặng nhẹ đều tương đối. Còn đối với xử phân, không xử phân chắc chắn cũng không chuyển thành nặng nhẹ. Tất cả các giới y theo đây nên biết rất là tận lý.

Thứ tư: Giới Đại vọng ngữ: Trong văn này có bốn câu:

Câu 1: Dung người phạm

Câu 2: Thật không biết gì. Trong ba tuệ, thuộc về tu tuệ. Bất luận là thế gian và xuất thế gian, hữu lậu vô lậu. Mỗi cõi đều có giá hạnh giải thoát vô gián và thắng tiến đạo: Bốn cảnh đạo thắng đều gọi là sở tri. Nay vô sở tri nói lên pháp phạm, pháp vô thắng.

Câu 3: Tự xưng là ta được pháp của bậc thượng nhân. Đối với cảnh tha nhân Vọng xưng là thắng pháp. Văn này có ba tiết.

1/ Nêu chung chỗ chứng thắng pháp, nên gọi là pháp của bậc Thượng nhân.

2/ Khai riêng như trong văn, ta đã nhập vào Thánh trí, đó là pháp xuất thế vô lậu. Thắng pháp thuộc về pháp tu tuệ hữu lậu của thế gian.

3/ Hiểu chứng như trong văn: ta biết như vậy, gia hạnh Vô gián đều gọi là Trí, ta thấy là giải thoát thắng tiến đều gọi là Kiến.

4/ Kia đối với thời khác v.v... trở xuống là tự trình bày ra, mong muốn tự mình trình bày. Trong thời khác mà vọng tự thú ở đây.

Hỏi: Giới khác vì sao không nêu ra việc tự đầu thú?

Đáp: Phạm hiện tiền có thể chứng nghiệm, phần nhiều đều dùng lời vặn hỏi. Hoặc sợ người hỏi mà liền tự thú. Hoặc do người hỏi mới tự thú. Không như giới dâm, đạo và sát có thể che giấu, không ai hỏi thì không nói ra. Cũng nên biết việc hủy báng sự thanh tịnh của Tỳ-kheo Đạp-Bà để chứng nghiệm. Từ Địa vì vọng hủy báng nhiều người, sợ vặn hỏi nên tự nói ra. Ni chúng che giấu tội thô, sau sự việc lộ ra, điều này có thể chứng nghiệm. Đại tăng che thô tội, nên không tự thú.

5/ Trừ người tăng thượng mạn: Với người thiếu đức, do nương cậy người mà nêu danh thì gọi là Tăng thượng mạn. Như trong Thập tụng nói: Tỳ-kheo ở trên núi tu nhiều tướng niệm, tự cho là đã chứng được quả. Sau xuống núi mới biết là mình chưa chứng đạo. Nếu người vô đức vọng nói là có đức thì đó chính là tà mạn. Người xưa gọi là Vô lậu chân đạo, vượt qua tướng Hữu thì gọi là Tăng thượng. Chưa đắc cho là đắc thì đó là Tăng thượng mạn, là phi pháp. Giới này do bậy duyên mà thành phạm, giới này cũng không dựa vào cảnh mà tổn hại, chỉ làm cho thành tội vọng ngữ. Nếu vì lợi ích của người trước thì thành phạm tội. Cho nên thành tội cảnh, ở đây chia ra làm hai:

1/ Chứng minh cảnh chủ yếu là cõi người. Cho nên ở đây nói sự kính dưỡng ruộng phước ở trong cõi người là tối trọng. Cõi trời phần nhiều không tin người cho nên lừa dối người là nặng.

2/ Vọng xưng pháp cảnh: Nghĩa là vọng xưng thắng pháp

Thứ hai duyên vào tâm cảnh cũng chia ra thành hai:

1- Duyên vào cảnh chứng minh, nghĩa là người không phân biệt nam nữ.

2- Duyên vọng xưng pháp, biết rõ là vọng, hoặc tăng thượng mạn, tuy vọng xưng pháp mà không biết đó là vọng. Nếu thật đắc đạo thì

không vọng xưng pháp cũng biết đó là vọng.

Trên đây nếu chia nhỏ ra thì có bốn duyên.

5/ Tâm phát nghiệp: là người loạn cuồng, tự nói mình đắc đạo

6/ Nghiệp phương tiện: Lời nói rõ ràng, hiện ra tướng cũng rõ ràng.

7/ Nghiệp rốt ráo: Người trước hỏi thì nói rộng lời vọng ngữ, điều này tự có năm loại: 1/ Ba-la-di. 2/ Tăng tàn. 3/ Thâu-lan-già: Tức lừa dối phi nhân, loài súc sinh biến hóa đều là phương tiện Ba-la-di, Tăng Tàn. 4/ Đề-xá-Ni: tức tiểu vọng tiểu báng. 5/ Đột-cát-la là phương tiện tiểu vọng báng. Vì sao đại tiểu thì gọi là vọng ngữ mà cái khác thì gọi là báng giới? Đáp: Vì làm tổn cảnh vụ báng người nên gọi là báng. Có cả tổn ích đó là vọng. 6/ Kết tội. 7/ Diệt tận, đuổi đi.

Phần kết thứ ba đã xong. Nay xin thưa các Đại Đức, tôi đã nói bốn pháp Ba-la-di. Nếu Tỳ-kheo phạm một pháp nào v.v... phần dưới giải thích sơ lược pháp diệt tận.

- Không được cùng các Tỳ-kheo ở chung. Như trước nói xưa cùng đồng hai nghĩa tài pháp, nay thì đã mất. Sau cũng như thế: Không còn đồng hai nghĩa Tài và pháp.

Phàm khi thành quả tội thì lý từ nhân. Nhân nghĩa là không đồng, lược chia thành hai loại:

1/ Bàn tứ trợ duyên: người xưa gọi là phương tiện xa. Như uống rượu là phi thời thực. Tâm phạm thì phạm có nặng nhẹ. Tự xưng là được quả Thánh phạm tội trộm. Che giấu tội khinh gọi là phạm phú tàng Cát-la. Trình bày ra đây chẳng phải chánh nhân của kia, chỉ là duyên sinh của việc tội phạm khác.

2/ Tứ chánh nhân mà sinh ra, ở đây lại có hai:

1. Gia hạnh dần dần tăng. Người xưa gọi là: Tiến thú phương tiện, là chứa tiểu thành đại. Như mới phát tâm đã thành tội nhỏ. Dần tăng không dứt, khinh trọng đều phạm Thâu-lan-già, cho đến thành quả, mượn thành tên quả, mà thật là cảm quả trong sát-na, khác với lúc cảm tâm sám hối. Cuối cùng nếu có sám hối thì tội mới diệt, phải biết rõ lý này. Nếu theo luật Ngũ phần thì kết quả tên tội là không nắm rõ được tên người, cho nên phải biết sám về nhân. Đây là sự khác nhau về tông mà ý thú vẫn đồng.

Lại y cứ theo Thập tụng thì hễ phạm các giới đều xoay vần bao trùm, nghĩa là trước khi thọ Sa-di có những việc chưa thành, chia bao lâu thì thọ giới. Thọ giới xong rồi thì sự việc trước mới thành. Xoay vần dung chứa thì phạm ba tội Ba-la-di. Giới dâm thì không cho dung chứa

lập phương tiện trước.

2. Duyên thiếu trở ngại: Ở đây do thiếu duyên nên không thành tựu quả. Duyên tuy vô lượng nhưng bao gồm trong ba thông và ba biệt.

Ba duyên chung là như trong luận có nói, ba duyên riêng là cảnh tượng ở trong luật. Cảnh tâm tức là các văn kết tội. Nói về nghiệp thì chia nhỏ ra có bảy.

Lại nói sự thiếu duyên của giới sát, nói lược thì có bảy phương tiện.

1/ Thiếu y phương tiện. Người xưa gọi là thiếu duyên phương tiện, vì lạm nêu tên chung nên gọi là thiếu y. Nghĩa là Phật chế giới cho Đại Tỳ-kheo, nay tâm khởi phạm, sau đó mới xả giới thì khiến cho quả tội không nương vào đó mà kết.

2/ Chưa chế rộng ra: Các bịnh si cuồng đều chẳng phải là chỗ nương của quả tội. Đây là thiếu về duyên chung mà lập ra nghĩa này. Sáu loại sau đều thiếu về duyên riêng.

Thứ hai Cảnh mạnh muốn giết người trước, cảnh người trước mạnh nên không thể hại.

3/ Mất các phương tiện như dùng dao v.v... Người xưa gọi đó là duyên sai, cũng lạm về tên chung cho nên đổi lại.

4/ Cảnh khác nhau, tức là trong cảnh tưởng là hai câu sau. Cảnh tưởng tuy có ba thứ khác nhau mà đều là cảnh sai ở hai câu dưới. Và lại, muốn làm người mà lại thích sát sinh thì sẽ đọa vào cõi phi nhân, tạm nghĩ đó là người hoặc nghi là người. Cảnh bản nhân lý thật là đã thiếu cho nên không có quả tội. Chỉ khi được đi cảnh khác nhau trước kia, vốn là nhân tội phương tiện ở trên cảnh, nên gọi là cảnh khác nhau. Đến chỗ khác nhau của cảnh khác tuy có cả loài người, súc sinh và phi tình nhưng đều chẳng phải là chỗ mong mỏi của người, nên gọi là phi nhân.

5/ Chuyển tưởng.

6/ Chuyển nghi: tức câu hai, câu ba của cảnh tưởng. Đây là lúc tưởng chuyển vào chánh cảnh.

7/ Dừng tâm: Nghĩa là mau dừng tâm mà không đưa đến quả. Bảy phương tiện này đều thiếu quả, nên gọi chung là thiếu duyên. Trong nghiệp phương tiện có xa có gần, lại hoàn toàn vô tội như là xả giới. Trước xả sau giết thì hoàn toàn không phạm giới. Hoặc khởi tâm giết sau đó mới xả thì phạm Cát-la. Dùng phương tiện nhẹ từ xa thì phạm Thâu-lan-già. Phương tiện nặng gần cũng phạm Thâu-lan-già. Cảnh mạnh thất kế mà tâm dừng v.v... đều y cứ theo đây. Cho nên trong văn



luật nói: thành thì phạm Ba-la-di, không thành phạm Thâu-lan-già. Ng-hĩa bao gồm khác nhau. Lúc sám hối phải biết nặng nhẹ, không đồng với người xưa nhưng số danh mục thì không khác nhau. Phần này trình bày về nghĩa phương tiện đã xong. Người xưa thì giải thích về nghĩa trì phạm. Ở đây thấy rõ trì phạm đó là tùy theo văn, không phân biệt ghi lại. Nếu nói về trì. Tức là y cứ vào luật nghi, chánh niệm chánh tri, giữ gìn sáu căn, không để buông lung phá giới, sinh ra phiền não, đó gọi là Trì. Trì có hai: Đối với việc ác thì ngăn dứt. Đối với việc lành thì sách tấn tu niệm. Người xưa gọi là chỉ trì, tác trì. Cũng có khi một giới gồm đủ cả chỉ và tác (chỉ: dứt, tác: làm). Hoặc có giới chỉ có chỉ, hoặc chỉ có tác. Suy ra điều này có thể liễu ngộ. Nhưng điều ác có hai: Một là sự, hai là pháp. Sự là giới dâm,... pháp là vọng,... Hai loại này đều chỉ cần dứt. Thiện cũng có hai: Một là sự, hai là pháp. Sự thì nên làm, như thuận theo giáo nên xây cất phòng xá,... thích hợp về lượng. Pháp thì nên học, như tụng giới, v.v... Hai loại này đều nên tiến học. Dứt tâm không học thì đó là biếng nhác. Lại không có sự hiểu biết tức là không có chánh tri, hoặc là vô minh.

Các phiền não này làm thay đổi thân, ngữ mà thành ra hai tội: Bất học và vô tri. Luật cũng tạo thành văn chế: Đủ năm tuổi hạ thì tụng giới Yết-ma. Lại nói: Nếu không biết, không thấy năm phạm tội, ta nói người này là ngu si, phạm tội Ba-la-di,... cho đến ác thuyết. Lời đơn giản mà nghĩa dồi dào, lý càng đầy đủ. Không giống như người xưa, sự thì rộng mà từ thì rườm rà. Về văn xem xét cũng giống như trước. Thiên thứ hai giải thích văn, chia ra làm ba:

- Một là nói về chỗ y giáo.
- Hai là nêu tướng tội danh.
- Ba là kết luận, xem xét.

Đối với giới luật lậu thất thì cảnh phạm. Có sáu loại: 1) Nội sắc: Nghĩa là có tình sắc. 2) Ngoại sắc là phi tình. 3) Nội ngoại sắc: Hai sắc hợp nhau. 4) Thủy: là dòng nước nghịch thuận mà động thân. 5) Gió. 6) Không: y cứ vào nước có thể hiểu.

Trừ trong mộng không phạm tội tăng tàn. Ngủ loạn ý trong luật nói có năm lỗi:

- Một là ác mộng.
- Hai là các vị trời không che chở
- Ba là tâm không nhập pháp.
- Bốn là không suy nghĩ tướng sáng.
- Năm là trong mộng thất tịnh.

Trong luật Ngũ phần nói: Ngũ loạn ý thì phạm Đột-cát-la.

Luận Thiện Kiến nói: Nếu Tỳ-kheo tâm tưởng mà mắt ngủ, trước làm phương tiện. Chân giao tay nắm quán tưởng mà ngủ. Trong mộng mà xuất tinh thì phạm tội tăng tàn. Khai văn giới là khai trước mà không có phương tiện.

**Thứ hai là giới xuất chạm** y cứ theo luật:

- Cả hai đều không mặc y phục mà xúc chạm thì phạm tăng tàn. Nếu một người có y phục thì phạm Thâu-lan-già, đều có y phục phạm Đột-cát-la. Tóc móng vẫn mà thân phần cho nên phạm tăng tàn. Theo luật Thiện kiến mà tóc lông cùng đụng chạm thì phạm Thâu-lan-già. Ở đây đều là không thức, nếu đều thức thì phạm Tăng tàn như trong văn giới có nói.

Luật Tăng-kỳ Quyển năm nói: Người nữ là mẹ, chị, em, bà con hoặc chẳng phải bà con. Hoặc lớn hoặc nhỏ, tại gia xuất gia đều phạm. Người nữ chết chưa bị hoại nhiều, xúc chạm thì phạm Tăng tàn.

**Thứ ba là giới nói lời thô tục:** Dùng tâm nhiễm ô đối với người nữ, nhân nói lời dâm dục để kích thích thì phạm tăng tàn. Nếu tịnh tâm nói pháp, quả trách lỗi của dục thì không phạm. Người nữ có trí mạnh chưa hoại thì không đồng như giới trước.

Trong luật Ngũ phần: Người nữ hướng về Tỳ-kheo dùng lời thô tục tâm nhiễm cũng phạm.

**Thứ tư: Giới khen ngợi thân để đòi hỏi cúng dường:** Dựa vào Phật pháp để làm phương tiện dụ tụng, không nghĩ là phạm tội nặng nên chỉ phạm tăng tàn.

**Thứ năm: Giới làm mai:** Sinh tử hòa hợp sâu xa làm mất chánh niệm. Sai người đưa thư cũng phạm, hễ nhận thư phải xem qua rồi trả lại, nếu không xem thì phạm Cát-la.

**Thứ sáu: Giới xây dựng phòng xá quá lượng không xin xử phân.** Giới này là hai tăng tàn, nhị Cát-la, bốn tội hợp lại.

Các tên gọi trình bày ra đây chỉ nói rõ tên Tăng Tàn. Vì thiên này là tăng tàn nên ẩn tội Cát-la. Văn này có ba phần:

- Một là dung người phạm.
- Hai là nói về thuận nghịch.
- Ba là kết tội.

Trong tiết hai ở trước nói về thuận, sau nói về nghịch. Nói thuận là thuận theo giáo mà tác pháp.

- 1- Một là tự cầu: Theo thí chủ mà xin.
- 2- Hai là làm nhà.

3- Ba là không có chủ để phân biệt.

Nghĩa là tuy tự xin, hoặc hãy xin từ thí chủ. Nay trong ý này nói là không có chủ. Cho nên trong luật nói: Không có chủ là ở đó không có người, hoặc một, hoặc hai, hay nhiều người.

4- Tự lấy cho mình là phân biệt với vì người thì không phạm Tăng tàn...

5- Phải ứng lượng mà làm. Theo luật Ngũ Phần thì một khuỷutay của Phật dài hai thước.

6- Chỉ nơi chốn cho Tỳ-kheo: là dạy xin theo pháp. Nghĩa là chủ phòng kia, trước sửa sang phòng này không có chướng ngại, ở trước tăng cầu xin ba lần. Tăng liền sai đi: Chủ phòng sẽ đến xem chỗ đó để biết là không có chướng ngại.

Phương là chướng ngại việc tăng, cho đến không chứa được cỏ cây, xe cộ qua lại. Nạn là nơi có nhiều cọp beo, sư tử, cho đến trùng kiến.

7- Tỳ-kheo kia nên chỉ chỗ không có các nạn, không có trở ngại. Chúng tăng liền cho bạch nhị Yết-ma phân xử và cho pháp làm. Nếu Tỳ-kheo, chỗ có nạn, cho đến nếu làm quá lượng là trái lời Phật dạy. Các chùa trên núi phần nhiều phạm giới này, làm phòng xá rộng rãi La-hán còn thối duyên, hưởng chi hàng phàm phu làm sao không cẩn thận. Muốn cho thân an đạo lớn nên Phật khai cho làm đúng lượng. Nhiều người vẫn ung dung làm trở ngại đến việc tăng, trụ xứ chẳng hưng thịnh thành ra tự làm tổn hại mình. Chư Tăng vì lòng thương xót, nên chế ra cho làm như pháp.

- **Thứ bảy: là giới: làm phòng xá có chủ không phân xử.** Giới này một thì phạm Tăng tàn, hai phạm Cát-la. Tên gọi thì chỉ nói Tăng Tàn. Văn này cũng có ba phần. Trong tiết thứ hai, nói về thuận nghịch có năm câu:

1- Muốn làm phòng lớn, ở đây có thí chủ. Tuy làm lớn mà không bỏ phước đạo nghiệp.

2- Có chủ.

3- Vì mình mà làm.

4- Cách dạy xin.

5- Pháp cho đúng.

Kế là nói việc làm trái lời dạy.

Hỏi: Trước nói phòng đã làm rồi thì phạm hai tội Tăng Tàn hợp chế, vì sao không thu chung Tàn này thành ba.

Đáp: Theo văn từ thì dễ, nghĩa lại làm nhân lẫn nhau. Cho nên

phòng trước phạm hai tầng tàng hợp chế quá lượng, vô lượng nghĩa đã cùng trái với văn từ tác pháp lại không tiện để cho nên chế riêng.

**Thứ tám: Giới: dùng tội không có căn cứ để hủy báng Tỳ-kheo.**

Văn này có tám câu:

1- Dụng chạm người.

2- Tức giận che giấu, cho nên đối với người không có lỗi lại vọng khởi tức giận.

3- Cảnh hủy báng Tỳ-kheo không phạm tội Ba-la-di: Văn này chỉ nói lược, nhưng thấy rõ là không phạm tội Ba-la-di. Nếu y cứ vào luật, dù cho thật có phạm, chỉ vọng hủy báng người là không có ba căn, cũng gọi là phi Ba-la-di.

Cho nên văn luật chép: - Nếu người không thanh tịnh, không thấy, không nghe, không nghi kia phạm Ba-la-di. Liền nói: Tôi thấy nghe nghi, người kia phạm Ba-la-di. Dùng pháp vô căn cứ hủy báng thì phạm tội Tăng-già-Bà-thi-sa.

Nói rộng thì có sáu câu như trong luật. Nếu người trước, chẳng phải là mười ba nạn sự, hủy báng nói rằng: Người đó cũng phạm Tăng tàn. Hủy báng cũng đều phạm Tăng Tàn như luật đã nói.

4- Không có căn cứ, cử tội sở y: lược có ba căn là: thấy, nghe, nghi. Ở đây không có căn cứ nên gọi là Vô căn. Nếu đích thân thấy người phạm các tội dâm, đạo, v.v... đó gọi là thấy căn. Nếu người khác hướng về ta nói cũng là kiến căn. Nếu đích thân nghe người phạm các tội dâm, đạo, v.v... và nghe người khác đều gọi là Văn căn. Nghi căn có hai:

- Một là đích thân thấy các dấu vết mà sinh tâm nghi. Nghĩa là chính mình thấy Tỳ-kheo và người nữ cùng vào rừng, ra rừng mà sinh tâm nghi ngờ cho họ là phạm dâm. Các giới phạm khác cũng thế.

- Hai là đích thân nghe âm thanh mà sinh tâm nghi: Nghĩa là nghe cùng người nữ cử động trên giường phát ra âm thanh mà sinh tâm nghi, các giới khác cũng như thế.

Hai loại này hợp lại gọi là nghi căn, người khác có nghi hướng về ta nói cũng là nghi căn. Ba căn này là bằng cứ nêu tội. Trừ ba căn này, như trong tâm chột khởi lên một cách ngang trái về thấy, nghe, nghi và ba ba nghi ngang trái xứng tâm mà nói. Tuy không bị tội hủy báng mà không nêu tội. Vì người không có lỗi, không có bạn làm chứng.

5- Dùng pháp Ba-la-di hủy báng người. Nếu chỉ khinh báng thì không phạm giới này.

6- Muốn hoại hạnh thanh tịnh của người: nói về Tâm phát ng-

hiệp.

7- Nếu ở lúc khác trở xuống đến tự nói cú đầu. Sự thanh tịnh của Đạp Bà có thể nghiệm chứng. Hoặc hỏi vặn thì chịu, không vặn hỏi thì tự thú.

Tự nói rằng: Tôi biết việc này thật không có căn cứ. Chỉ vì tức giận nên nói như vậy.

8- Nếu Tỳ-kheo v.v... trở xuống là kết tội như trong văn.

**Thứ chín là: Mượn tội trọng căn hủy báng Tỳ-kheo:** văn này có chín câu:

- Một là dung người phạm

- Hai là vì tức giận

- Ba là dựa vào một chút trong việc khác.

Trong luật Thiện Kiến quyển mười ba có nói: Phần khác là có Tỳ-kheo nói Đạp-Bà là Người dê là phi nhân, đó gọi là phần khác. Nói Từ Ni là dê mẹ cũng là phần khác. Vì lấy sự việc tương tự mà nói, cho nên trong luật bản nói dựa vào chút ít.

Như trong luật nói: Tỳ-kheo Từ Địa, từ núi Kỳ-xá-quật đi xuống thấy hai mẹ con dê đang hành dâm, liền nói: dê con là Đạp-Bà-ma-la, dê mẹ là Từ Tỳ-kheo-ni.

Sau đó bèn nói với chúng tăng: Chính mắt tôi thấy Đạp-Bà-ma-la hành dâm với Tỳ-kheo-ni.

Tỳ-kheo Từ Địa nói Đạp-Bà là dê con, khi nói với tăng là không căn cứ, chỉ mong chúng tăng tin và trị phạt Đạp-Bà nên gọi là mượn căn cứ. Mượn căn cứ của dê để nói tội Đạp-bà thành ra tội hủy báng. Trong giới văn có nói lược: Nếu y theo luật thì ở thiên dưới mượn tội của người khác, hay người tại gia đều gọi là mượn căn cứ. Nếu thật có thấy phạm mà nói nghe, vọng nghe là không tức là không, có căn cứ, chẳng phải là mượn căn cứ.

- Bốn là chẳng phải Tỳ-kheo phạm Ba-la-di, thật chẳng phải mười ba việc nạn, cũng giới hạn nơi đó.

- Năm là vì không có y cứ, loài dê tuy có căn cứ, mà Đạp-bà thì không.

- Sáu là hủy báng pháp Ba-la-di.

- Bảy là tâm phát nghiệp.

- Tám là tự thú nhận.

- Chín là kết tội.

**Thứ mười là: Phá tăng, trái lời can ngăn.**

Trái lời can ngăn có hai:

1- Trái với lời tăng can ngăn, như lời can ngăn thứ tư ở văn này và phần thuyết dục ở đây, điều can ngăn thứ ba không trái chướng tăng.

2- Trái lời can ngăn, như trong điều chín mươi, không nghe lời can ngăn phạm Ba-la-di.

Hỏi: Cùng trái lời can ngăn tăng, vì sao lại có Tăng Tàn, Xá-Đề khác nhau?

Đáp: Tội Cát-la nặng nhẹ tự có nhiều nghĩa. Lại như phá tăng làm não loạn là tội trọng, hoặc lập mưu nói v.v... chủ can ngăn chủ dừng cũng dừng theo. Chứ không dừng rồi như lửa cháy thêm củi vào thì lỗi càng nặng, nên cần phải can ngăn.

Ở trong xóm làng hủy báng làm dơ phòng nhà, chứa nhóm lỗi lâu ngày làm mất tịnh tâm. Người bị diệt tẩn nên sám hối quy phục, trở lại hủy báng tăng, tội cũng không nhẹ, nên phải can ngăn. Người có tánh xấu, chống đối tăng, hủy nhục chúng, cũng khó mà dung nên phải can ngăn. Trái lại đều phạm Cát-la như luận về Lợi-Sát nói. Không chướng ngại theo tập tục cũ là đúng.

Tăng tuy có lời can ngăn mà tình kiến chưa bỏ, nếu kết tội nặng thì chẳng phải phân hạn, chỉ phạm ĐỀ-XÁ-ni. Người bản xưa nói: Nếu chứa nhóm ô gia, trái lời can ngăn thì phạm tội nặng. Sự can ngăn này có nêu đủ trong bảy tự. Vì sao không đối với việc này để kết tội trái lời can ngăn khác nhau. Nay giải thích làm như nhà người ở trong xóm làng thời gian lâu dài chứa nhóm gây tội đã nhiều. Trong văn giới bản có ba:

1- Dung người phạm.

2- Nói về pháp can ngăn.

3- Kết tội về trái lời can ngăn.

Nói phần hai về pháp can ngăn: Có hai đối với bốn câu.

Thứ nhất là nêu có lỗi, trước nên can ngăn lẫn nhau.

Thứ hai nếu trái lời can ngăn, lý nên can ngăn chúng tăng, tất cả giới can ngăn lý cũng đồng như ở đây.

Chính lúc nêu lỗi có bốn nghĩa:

1- Muốn phá hòa hiệp tăng nên lúc đầu là tâm phát nghiệp. Phương tiện thọ sự phá hòa hợp tăng tự có hai loại.

2- Phương tiện phá hoại tăng như Điều-đạt, tự làm tà Phật, sai khiến bốn bạn ác để làm tà tăng, lập kế phá tăng nên gọi là Phương tiện.

3- Thọ pháp phá hòa hợp tăng. Nghĩa là làm năm loại tà pháp là tà pháp bảo. Nói năm tà pháp: Một là trọn đời khát thực, hai là đắp y phần tảo, ba là ngồi chỗ đất trống, bốn là không ăn sữa, muối, năm là

không ăn cá thịt.

Nghĩa thứ tư là giữ chắc không bỏ, đối với tà pháp cố chấp thọ trì, cạnh tranh với Phật, phá hoại chánh pháp. Đối với pháp can ngăn, y theo trong luật chung cả bảy chúng về ngoại đạo. Ở đây nói về việc can ngăn Tỳ-kheo, văn này có hai phần:

- Một là khuyên dừng bốn lỗi, như văn luật có ghi.

- Hai là Đại đức nên dùng tăng hòa hợp v.v... Cho đến dứt chấp tình kia.

Nói rằng: Nên hòa hợp với tăng, đoạt khởi tâm phát nghiệp ban đầu.

Hòa hợp vui mừng với tăng, đó là đoạt thiết kế. Không đua tranh đó là đoạt lập năm pháp tà.

Từ: Đồng học một thầy trở xuống cho đến khuyến hóa được thú hưởng về đạo. Tăng càng được chứng đạo an vui.

Kế là nói phần hai:

- Nếu trái lời can ngăn, lý nên cùng tăng can ngăn, các Tỳ-kheo can ngăn như thế mà nhất quyết không bỏ là trái với lời can ngăn.

- Tỳ-kheo nên ba lần can ngăn v.v... Trong đây có hai ý: Một là tăng can ngăn thì bỏ, hai là khen sự dứt bỏ là tốt. Nghĩa là khuyên sự chống trái trở thành thuận theo tà tốt.

Ba lần can ngăn: Một lần tác bạch, ba lần Yết-ma can ngăn. Sát-na thứ ba thì bị tăng tàn. Trước lần thứ ba còn có thể xả bỏ, cho nên nói: là tốt. Người xưa lấy một lần tác bạch, hai lần Yết-ma, ba lần can ngăn là sai.

Lần thứ ba không xả thì: Phạm Tăng-già-Bà-thi-sa, chính là kết tội trái với lời can ngăn.

Các sư ngày trước phân nhiều y theo các sự luận biện về phá pháp luân. Sau khi Phật diệt độ, nhất định không có sự lý này cho nên chẳng thể phạm. Nay nói rõ ý luật nên hơi khác với luận. Nghĩa là trong luật không về nghiệp Vô gián, nên chỉ nêu một mình Điều-đạt mà thành ra nghiệp này.

Nay ý trong văn luật nói sau khi Phật diệt độ, biết lập ra tà pháp hóa độ người. Tuy chẳng phải là chính là nghiệp Vô gián mà cũng làm não loạn tăng chúng, nên tăng chúng phải khuyên can, khuyên can mà không bỏ thì phạm tăng tàn.

Cho nên trong văn luật nói có hai việc phá tăng: Một là làm Yết-ma, hai là lấy xá-la. Theo luật thì nói chung, cho nên nói làm Yết-ma. Giới này về nghĩa thì nhiều, mà sự hành thì đơn giản nên nói lược như



vậy.

**Thứ 11: Phá tăng giúp bạn, trái lời can ngăn, cũng có ba:**

1- Dung người phạm.

2- Nói về pháp can ngăn.

3- Kết tội trái lời can ngăn.

Nếu phần thứ hai là pháp can ngăn đối với bốn câu:

1. Nếu có lỗi trước phải can ngăn

2. Nếu trái lời can ngăn, lý nên theo tăng can ngăn

Chính trong sự nêu lỗi có hai câu:

1. Hoặc một hai cho đến vô số bạn bè gây ra tội, bạn có hai:

- Bạn đảng tức bàn tính với nhau, từ bốn người trở lên là tà tăng.

- Trợ bạn đảng: Tức sau đó giúp làm việc ác, từ một hai cho đến vô số, không hạn cuộc bao nhiêu.

Hai thứ bạn này đều giúp làm ác nên phải can ngăn.

2. Tỳ-kheo kia nói với Tỳ-kheo can ngăn là: Đại đức chớ can ngăn Tỳ-kheo ấy v.v... trở xuống là phát ngôn giúp đỡ nhau.

Như trong luật: Các Tỳ-kheo lúc can ngăn Điều-đạt. Các Tỳ-kheo bạn đảng nói các Tỳ-kheo như thế: - Các ông chớ can ngăn ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA. ĐỀ-BÀ-ĐẠT-ĐA là Tỳ-kheo nói pháp, nói luật, những lời Điều-đạt nói chúng tôi đều thích nghe, chúng đều ứng thuận.

Tiếp theo là nói can ngăn lẫn nhau. Văn cũng có hai ý:

1- Can ngăn đừng giúp đỡ.

2- Tỳ-kheo nói phi pháp v.v... cho đến dứt chấp tình kia.

**Thứ 12: Lúc bị diệt tẩn, tăng can ngăn, Văn cũng có ba:**

1- Dung người phạm.

2- Nói về pháp can ngăn.

3- Kết tội trái lời can ngăn.

Phần hai là nói về pháp can ngăn: Hai đối với bốn câu như ở trước. Lúc nêu lỗi trong văn, có hai:

1. Do làm như nhà người mà bị tăng khu tẩn.

2. Lúc bị diệt tẩn, hủy báng tăng vô lý. Hủy báng tăng nên mới can ngăn. Trước khi diệt tẩn văn lại có hai:

- Một là ở chỗ thành ấp xóm làng làm như nhà người. Nói làm như nhà người theo luật có bốn:

+ Ở nhà người làm như bản, làm mất tín tâm người. Như được người bố thí thì đem tặng cho nhà vương giả, làm người kia thất tín không vui. Vương giả được vật nên nghĩ sẽ báo ân làm mất bình đẳng tín, v.v...

+ Vì lợi dưỡng làm như nhà người: Như pháp được lợi dưỡng cho Cư sĩ này mà không cho Cư sĩ khác.

+ Y vào bạn thân làm như nhà người: Nghĩa là y vào vua quan làm cho người này mà không làm cho người khác. Vì làm cho người trước mất tâm bình đẳng nên gọi là làm như nhà người.

+ Nướng vào tăng-già-lam làm như nhà người: Nghĩa là lấy hoa quả của tăng cho người này mà không cho người khác. Nói hạnh ác là tự trồng hoa và bảo người trồng. Hoặc cho người nữ ngủ chung một giường, ăn chung bình bát v.v... cho đến làm các việc phi oai nghi. Trên cho đến phạm Tăng Tàng ... dưới đến phạm Cát-la. Làm hai việc hạnh ác như bản nhà người khiến cho đạo tục ai cũng thấy, cũng nghe.

- Hai là các Tỳ-kheo nên nói với Tỳ-kheo kia v.v... trở xuống cho đến không nên ở đây. Y theo văn luật mà bạch bốn lần Yết-ma đuổi đi xa khỏi làng xóm này.

Thứ hai: Hủy báng tăng phi lý, ý văn nói:

- Tỳ-kheo bị diệt tẩn kia nói với các Tỳ-kheo rằng: Đại đức có tâm thương, giận, sợ, si. Vì sao có người đồng tội như tôi lại không bị đuổi mà chỉ đuổi tôi. Theo luật Tăng-kỳ: Đương thời có sáu người làm như nhà người. Nghe tăng sắp diệt tẩn. Lại có ba người nghe theo Đạt-Đa-ma-Ế Sa-Đạt-Đa đi đến xóm làng, lại có Ca-lưu-Đà-Di, Xiển-Đà đang ngược đường sám hối. Bốn người này đi không thể trị sám nên lại không có tội, chỉ có A-thấp-bà Phú-Na-Bà-Sa thì không chịu đi và không sám nên bị tăng diệt tẩn. Người này liền hủy báng tăng: -Thương thì cho sám, ghét thì đuổi đi, cho nên tôi không đi, v.v...

Kế là nói về can ngăn lẫn nhau. Trong luận Tát-Bà-Đa quyển bốn nói: - Hễ Tỳ-kheo có mong cầu điều gì, nếu vì Tam bảo, hoặc tự làm các tín vật đem cho vua chúa, Đại thần, Trưởng giả, cư Sĩ, tại gia, xuất gia đều gọi là làm như nhà người.

Năm chúng đều không cho kêu khóc, cho đến cha mẹ mất, tất cả đều không cho kêu khóc.

Bốn chúng khác thì phạm Cát-la, ni phạm Ba-Dật-Đề. Luận này nói rộng đầy đủ các việc khai già.

***Giới thứ 13: Giới: Tự dùng, lại trái lời can ngăn:***

Bản xưa gọi là tánh ác, trái lời chúng tăng can ngăn. Văn này cũng có ba:

- Một là dung người phạm
- Hai là pháp can ngăn.
- Ba là kết tội trái lời can ngăn.

Phần hai nói về pháp can ngăn, có hai cặp bốn câu. Trong phần khởi lỗi có hai cú nghĩa:

1/ Có tánh xấu không chịu nghe lời người can ngăn. Lỗi tự dụng chống lại lời can ngăn. Trong tục thư nói: Khéo hỏi thì rộng, tự dụng thì nhỏ.

2/ Đối với giới pháp trở xuống cho đến tự dụng không nghe lời can ngăn, nghĩa là lúc phạm giới, người khác khuyên dừng, hư thọ của tín. Thí đề cao bản thân, tín tánh tự dụng, lại nói với người rằng: - Đại đức chớ nói với tôi lời tốt, lời xấu gì. Nói lời ý ngu này, hạnh nghiệp quả báo tôi tự biết, khi chịu báo không liên quan gì đến Đại Đức, tôi cũng không nói với Đại Đức việc tốt, việc xấu gì v.v... Nghiệp quả tự ông và nói như trước, cho đến tổng kết nói: - Hãy đừng can ngăn tôi.

Xưa nay, truyền có bốn loại người cần can ngăn:

1- Tuổi cao đức dày.

2- Ở lâu trong chúng.

3- Người học rộng giới nghi. Cho là trí năng hơn người.

4- Cùng ở chung với bậc thắng nhân. Tiếp theo nói can ngăn lẫn nhau. Trước là can ngăn tự dụng, không nghe lời khuyên. Văn này cũng có hai phần:

- Một là khuyên dừng việc tự dụng, trong văn nói Tỷ-kheo kia can ngăn Tỷ-kheo này rằng: - Đại Đức nên nghe lời khuyên can này.

- Hai là dứt sự tình chấp kia.

Văn nói: - Đại đức nên tự mình nghe theo lời can ngăn, được lợi ích,... chưa sinh điều lành làm cho sinh, chưa sinh điều ác thì ngăn dừng cho phát sinh, điều lành đã sinh làm cho thêm nhiều, điều ác đã sinh thì phải mau dứt trừ.

Phần ba kết xong thì xem xét.

- Thưa các Đại đức: Tôi đã nói mười ba pháp Tăng-già-Bà-thi-Sa.

- Tăng-già-bà-thi-sa trong luận Du-già dịch là: Chúng dư, xưa dịch là Tăng tàn. Tàn nghĩa là dư. Khi phạm giới này ở trong chín Yết-ma không được tính đủ số, mong Yết-ma khác còn có dư tàn mới dùng đủ số.

Nói chín lần Yết-ma là: Phạm các pháp che giấu bốn thứ Yết-ma, năm thứ quả trách, sáu thứ diệt tận, bảy y chỉ, tám ngăn không cho đến nhà người tại gia, chín tội xứ sở. Bốn pháp đầu như Kiền-độ phú tàng. Trong văn có nêu đủ và không đầy đủ năm loại sau xưa nay nghĩa đều chuẩn. Đã là đồng đoạt thì có ba mươi lăm việc (ba mươi lăm việc như

Kiền-độ quở trách,...).

Nói biết vọng lẫn nhau là không đủ số: Người kia không thấy, không sám hối ác tà, không bỏ ba học. Tuy cũng đồng đoạt ba mươi lăm việc, nhưng khi xuất chúng, tăng không đủ số, cho nên khác nhau. Tội Tăng Tàn phải nương vào tăng mới được sám hối, nên gọi là Tăng Tàn, hoặc gọi Chúng dư.

Phạm giới đầu rồi v.v... trở xuống, do đây mà nói lược pháp sám. Trong văn có sáu ý:

- 1- Đầy đủ duyên thành phạm.
- 2- Thành lỗi (che giấu).
- 3- Hiện bày pháp sám.
- 4- Giải thích lỗi tăng thiếu.
- 5- Chúng tăng có tội.
- 6- Kết thành ứng pháp.

1-Đầy đủ duyên mà thành phạm: Văn nói chín giới phạm bốn giới đầu v.v... trở xuống cho đến ba lần can ngăn, nghĩa là chín giới trước y cứ vào sự, đầy đủ duyên vừa thành liền phạm. Bốn giới sau y cứ vào pháp mà đầy đủ duyên, đủ ba lần can ngăn thì phạm. Ý nói trong đây, nếu duyên không đủ thì chẳng phải Tăng tàn. Tức không được dùng pháp Tăng tàn mà sám pháp. Có người giải thích rằng: Đây là giải thích nghi. Nghĩa là bốn giới sau đã đối với chúng mà phạm, nên không trị tội che giấu. Nên giải thích nghi rằng: Cũng cần trị tăng tàn, nay thấy rõ rằng: Nếu chín giới trước phạm nghi và che giấu, cũng giải thích nghi rằng: - Nếu không che giấu cũng khỏi trị tội che giấu. Như thế là giải thích sai.

Văn thứ hai nói: Nếu Tỳ-kheo phạm mỗi pháp biết mà che dấu thì thành tội che giấu.

Y theo Kiền-độ về người và luật luận khác nói: Nếu phạm một tăng tàn, tự tâm rõ biết là Tăng tàn, che giấu một đêm bị một Cát-la phú tàng. Như thế lần lần tùy mỗi đêm mà phạm phú cát và tùy phú cát. Nếu nghi tội tăng tàn và không sám, cũng phạm phú và tội Cát-la. Mà không hành trì phạm hai ba phú tàng v.v... Cho đến không nhớ số và cho sám hối.

Nhưng trong Kiền-Độ tông nhân trong Tứ Phần thì trước cho sám phú cát sau đó mới theo tăng xin trị lỗi che giấu và hành pháp che giấu.

- Hỏi: Phú cát rồi sám hối lỗi che giấu thì hết, vì sao phải xin trị phạt.

- Đáp: Tội che giấu cảm quả, tuy sám rồi nhưng chưa thanh tịnh, Tăng khiến phạm tội trong tăng tàn. Lỗi này không phạt, tội này không trừ, nên phải trị. Nếu không che giấu, thì tội tăng tàn nhẹ, nên không trị tội che giấu.

- Hỏi: Một phẩm tăng tàn vì sao lại có nặng nhẹ?

- Đáp: Tuy đồng nhưng vẫn có nặng nhẹ. Như phạm tội đó thì ba thời đều nặng, há là đồng hai thời nhẹ, một thời nặng.

- Thứ ba vẫn nói nên gượng cho rồi v.v... cho đến v.v... nói về sám hối... pháp này có từ ba đến bốn pháp. Về thứ lớp thì khai ra năm hoặc sáu, bảy...

Nói năm gồm:

1- Văn nói nên bắt buộc cho Ba-lợi-Bà-Sa, trong luận Minh Liễu dịch là Túc trụ, trong luật Tăng-kỳ dịch là Biệt trụ, luật Tư Phần dịch là phú tàng. Phú tàng là lỗi che giấu. Biệt trụ là phạt. Phạt ở nơi yên tịnh để suy nghĩ về lỗi đã phạm. Cho nên văn luật nói: Không được hai ba người ngủ trong một nhà.

Túc trú là đi ban đêm.

Lúc muốn xin pháp che giấu này, rõ biết tội một, hai, cho đến vô số đêm không nhớ hết. Nếu nhớ số đêm thì y theo số đó mà xin. Xin rồi tùy theo đó mà thực hành. Nếu không nhớ đêm mà xin thì trị phạt cho đến khi thanh tịnh. Nghĩa là đến ngày thọ giới thanh tịnh rồi thì đi. Khất pháp có ba:

- Xin biết số ngày

- Không biết số ngày.

- Biết và không biết số ngày.

Tội số nhiều ít, cũng tùy theo nhớ mà xin. Ba lần nói xin, như trong luật nói rộng. Xin rồi thì tăng cho bạch bốn lần Yết-ma và pháp che giấu, đều y theo luật. Văn nói bắt buộc cho đó.

Hỏi: Kiền-độ thuyết giới có nói: Không được bắt buộc sám hối. Ở đây vì sao lại nói bắt buộc.

Đáp: Nếu không bắt buộc người kia thì sẽ có tranh cãi. Nay y cứ vào ứng thời tăng và bạn lành cho nên gượng nêu ra để trị phạt.

2- Thực hành Ba-lợi-Bà-Sa xong. Nghĩa là nếu phạm một cho đến trăm ngày che giấu thì phải trải qua một trăm ngày ở trong cảnh giới thực hành thì mới xong.

Trong nội giới v.v... trở xuống cho đến: Có một người ở tại đó thì được hành trì. Lúc hành trì đoạt ba mươi lăm việc cúng dường tịnh tăng.

Phải bạch cho Tỳ-kheo khách biết là đang hành trì pháp che giấu.

Tám duyên có nói đầy đủ, như trong Kiền-độ phú tàng của luật có nói rộng.

3- Tăng thượng và sáu đêm ma-na-đỏa, đây gọi là vui lòng chúng. Pháp này phải có đủ bốn vị trở lên ở trong đó hành trì, gọi là Duyệt chúng ý (vui lòng chúng). Không đồng một người trong phú tàng cùng hành trì thì không gọi là Duyệt chúng.

Tăng thượng cho đó: cho có hai nghĩa

- Thực hành che giấu xong, tiếp theo là theo tăng mà xin, xin sáu đêm gọi là Tăng thượng.

- Lúc phạm Tăng tàn không có tâm che giấu nên phát lồ với người. Chỉ cần thực hành pháp Ma-na-đỏa, không gọi là Tăng thượng nữa. Trong giới bản chính là nạn. Cho nên nói Tăng thượng nữa.

4- Thực hành ma-na-đỏa xong, đoạt ba mươi lăm việc. Cùng đường bạch cho khách biết đại đồng phú tàng. Rộng như trong Kiền-độ phú tàng có nói.

5- Nên ở trước hai mươi vị tăng, nêu tội Tỳ-kheo này ra. Hành trì sáu đêm xong, thì Tỳ-kheo phạm tội nên cầu đủ hai mươi vị tăng thanh tịnh.

Đối trước Tăng xin ba lần, tăng cho thì bạch bốn lần tác pháp xuất tội. Năm vị đến trước đúng theo pháp chỉ, có ba. Nghĩa là che giấu sáu đêm và xuất tội. Trước nói hoặc có bốn pháp nghĩa là như pháp bản nhật trị. Nếu phạm che giấu phải trải qua một trăm ngày.

Theo tăng xin tội che giấu rồi hành trì mười ngày, chợt lại phạm Tăng tàn, thì mười ngày kia sẽ không được tính, lại trị phạt từ đầu. Nếu đích thân phạm tội che giấu hay không che giấu, riêng theo tăng xin lại phải hành trì. Nhưng lúc xin pháp dù mới hay cũ, hoặc hợp hoặc khai, cùng hành biệt hành, đều không chương ngại.

Trên nói pháp sám hối thứ ba đã xong.

- Phần thứ tư giải thích: Về lỗi thiếu tăng, Văn nói: Nếu thiếu một vị không đủ số hai mươi thì tội Tỳ-kheo ấy không khởi. Nhưng che giấu sáu đêm khi mặt trời mọc, bốn tội trọng cùng với pháp đều bạch bốn lần Yết-ma. Nếu thiếu một người theo lý là không đủ, như trong luật nói: hai mươi tám không gọi là đủ số tăng. Nếu phạm tội trọng và chúng ni tăng đủ số cũng gọi là không đủ.

- Phần thứ năm trở xuống nói về chúng tăng có tội. Cho nên văn nói: Các Tỳ-kheo cũng có thể quở trách, hễ nói cứu giúp thì cũng phải

hiểu đúng theo pháp. Bị bậc Thánh quả trách thì phạm tội Cát-la.

- Phần sáu: Kết thành pháp ứng, cho nên trong văn nói là đúng thời. Nghĩa là quán cho mất mà hành trì theo giáo, đây gọi là ứng thời.

- Lời văn xem xét cũng như đoạn trước.

- Từ phần ba trở xuống, hai đoạn lớn không nhất định, văn cũng chia làm ba:

+ Sở y giáo.

+ Nêu danh tướng.

+ Kết rồi xem xét.

\* Trong phần nêu danh tướng: Thứ nhất là giới bất tịnh, Văn này có ba:

1- Dung người phạm.

2- Nói về tướng bất định.

3- Kết danh bất tịnh.

Phần nêu danh tướng, văn có bốn phần:

\*1- Cùng người nữ ở chỗ khuất kín, có thể làm việc dâm, hoặc ngồi nói chuyện phi pháp, ở đây có ba nghĩa, gọi là bất định.

1- Ở nơi khuất kín tạo tội. Do đây là chỗ tâm tình. Vì y cứ theo đầu mối đó mà gọi là bất định. Cũng như cha mẹ thấy đứa con hư ở trong thôn xóm đang làm điều phi pháp, ở trong làng xóm là đầu mối gây ra tội.

2- Nơi này thấy Tỳ-kheo ngồi một mình với người nữ nói chuyện phi pháp. Ở đây lại có hai nghĩa:

- Nói đến đầu mối gây ra tội của Tỳ-kheo: Do đầu mối bất định.

- Y cứ theo vị trụ tín mà nêu tội.

Việc mà Thánh nữ thấy, là sự tướng bất định. Trong luật lại y cứ vào oai nghi ngồi chung. Theo luận do “Chân Đế số thích”. Thì nếu đi đứng nằm ngồi đều ở trong giới hạn phạm tội.

\*2- Là ưu-Bà-di Trụ tín: đối với ba pháp, nói ra mối pháp, hoặc phạm Ba-dật-đề, thánh nữ y theo đầu mối tạo tội ở trước mà đến bạch với tăng về những sự tướng trong thấy về tướng thô, nếu xét trong các bộ thì có ba thuyết:

- Theo luật Thập tụng thì chỗ thấy các sự tướng là nêu chung tất cả. Cho nên trong văn kia nói: - Thế nào là bất định? Chỉ thấy người nữ qua lại đến đi mà không thấy làm việc tà tâm hay cắt đứt mạng sống của người, làm hại cỏ cây, uống rượu v.v... nên gọi là bất định.

- Theo luận do “Chân Đế Số” nói rằng việc thấy rõ các tướng chỉ nêu lên ái nhiễm trong tất cả thiên tục. Số nói rằng: Nếu đã hành



dâm sau đó ngồi chung thì phạm Ba-la-di, nếu xúc chạm thì phạm tăng tàn. Nếu muốn dâm xúc thì phạm Thâu-lan-già, tâm nhiễm ngồi chung phạm Ba-dật-đề, không tâm nhiễm phạm Đột-cát-la.

- Theo Luật Tứ Phần chỉ nêu ba tội, trong luật càng không nói các tội khác. Ở đây chỉ y cứ tội tướng thô trong ái nhiễm mà xếp vào bất định. Trong đây không xem xét mà người kia tự nói sám hối. Trong giới thứ ba, Tỳ-kheo ngồi và tự nói: Tội phạm tội này, - hoặc là Ba la di, ở đầu mỗi do thấy các sự tướng mà nêu ra giữa chúng, Tăng chúng vặn hỏi ba định tội này, tùy theo ba tội này mà định trị.

4- Như ưu-Bà-di Trụ Tín nói nên đúng như pháp trị tội Tỳ-kheo.

Người trước vặn hỏi tội mà không được, cho nên đúng như Thánh nữ mà nói chấp kia có tội. Chúng tăng bạch bốn lần Yết-ma y theo pháp trị tội, nên nói là: đúng như pháp trị tội Tỳ-kheo, trao ba mươi lăm việc khiến dẫn đến chỗ Phật phạm tội. Nơi chốn tội này chưa chịu dẫn ra, định tội phạm ra sao thì trị phạt. Ý lỗi trong đây là:

- Che giấu tội nơi kín đáo.

- Nói chuyện phi pháp với người nữ, tức là tướng tạo tội có đầu mối.

- Lúc tăng hỏi lại không nhất định tánh tội của mình, cùng việc giữ giới.

Ba lần hỏi đều phạm tội im lặng nói dối. Trong luận y theo nghĩa đầu mối để giải thích bất định. Cho nên văn kia nói:

- Nhân của các tội không nhất định cho nên gọi là bất định. Lại vì không đưa ra vặn là nhất định nên giải thích là bất định, văn kia nói: Các tội trong đây không nhất định.

Hai điều bất định này là lấy việc Thánh nữ nêu tội báo với tăng, tăng mới đem việc đó ra vặn hỏi. Bậc Thánh thà chết chứ không nói dối. Nếu là phạm phu nêu ra thì không vặn hỏi. Điều bất định thứ hai trong văn cũng có ba câu:

- Dung người phạm.

- Nói về tướng bất định.

- Kết luận tên gọi bất định.

Phần thứ hai nói về tướng bất định, văn cũng có bốn phần:

- Cùng nữ ngồi giữa đường nói chuyện phi pháp, đó là tội chỗ thấy sự tướng do có đầu mối.

- Y theo đầu mối sự tướng trước đã thấy mà đến tăng thưa, chỉ nói hai tội, vì chỗ trống trải không thể hành dâm.

- Do đầu mối nhìn thấy sự tướng liền bạch với chúng tăng. Tăng

vấn hỏi hai tội định này, tùy theo đó mà trị.

- Người trước kiêng tội nên tin Thánh nữ chấp vào kia có phạm.

Về nơi trị tội y theo trước mà nói rộng.

Phần ba kết xong thì xem xét như văn trước. Trong đây không nhất định sám hối tội gì nên không đưa vào thiên. Lại không có văn sám.

- Tứ phần Tỳ-kheo giới bản số quyển thượng.

